

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

NGHIÊM ĐÌNH LONG

**ÁP DỤNG HÌNH PHẠT BỔ SUNG THEO
PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM TỪ THỰC TIỄN
TỈNH TUYÊN QUANG**

Ngành: Luật hình sự và Tố tụng hình sự

Mã số: 8.38.01.04

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ**

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. ĐỖ THỊ PHƯƠNG

Hà Nội, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan rằng số liệu và kết quả nghiên cứu trong luận văn Thạc sĩ Luật học “*Áp dụng hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Tuyên Quang*” là hoàn toàn trung thực và không trùng lặp với các đề tài khác trong cùng lĩnh vực. Các thông tin, tài liệu trình bày trong luận văn đã được ghi rõ nguồn gốc. Luận văn này là công trình nghiên cứu của cá nhân tôi dưới sự hướng dẫn khoa học của PGS.TS Đỗ Thị Phượng.

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về lời cam đoan này.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ HÌNH PHẠT BỔ SUNG	6
1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hình phạt bổ sung.....	6
1.2. Sự phát triển của chế định hình phạt bổ sung trong LHS Việt Nam trước khi có Bộ LHS năm 2015	16
Chương 2: QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 VỀ HÌNH PHẠT BỔ SUNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG	26
2.1. Các hình phạt bổ sung theo quy định Bộ LHS năm 2015.....	26
2.2. Thực tiễn áp dụng HPBS trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang	45
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LHS VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT BỔ SUNG	58
3.1. Giải pháp hoàn thiện PLHS Việt Nam về HPBS.....	58
3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng HPBS.....	65
KẾT LUẬN	74
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	75
PHỤ LỤC	78

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANQG	: An ninh quốc gia
BLHS	: Bộ luật hình sự
BLTTHS	: Bộ luật Tố tụng hình sự
CSHS	: Chính sách hình sự
HPBS	: Hình phạt bổ sung
HPC	: Hình phạt chính
HTHP	: Hệ thống hình phạt
PLHS	: Pháp luật hình sự
TAND TC	: Tòa án nhân dân Tối cao
UBTVQH	: Ủy ban thường vụ Quốc Hội
XHCN	: Xã hội chủ nghĩa

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1 Tình hình giải quyết và số bị cáo bị áp dụng hình phạt bổ sung	46
Bảng 2.2. Nhóm các tội được áp dụng hình phạt bổ sung	47
Bảng 2.3. Loại hình phạt bổ sung được áp dụng	48

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tội phạm và hình phạt là hai chế định quan trọng nhất trong luật hình sự (LHS), có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, tội phạm luôn đi đôi với hình phạt.

Hình phạt chính (HPC) và hình phạt bổ sung là hai bộ phận cơ bản cấu thành hệ thống hình phạt (HTHP) trong LHS Việt Nam. Trong đó, HPC là bộ phận cơ bản có tính chất quyết định của HTHP, HPBS giữ vai trò củng cố, hỗ trợ cho HPC. Đây vừa là nội dung, vừa là phương tiện của chính sách hình sự (CSHS) của nhà nước, bảo đảm cho LHS có thể thực hiện được nhiệm vụ bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa (XHCN), lợi ích của nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, tổ chức, bảo vệ trật tự pháp luật XHCN, chống mọi hành vi phạm tội, đồng thời giáo dục mọi người ý thức tuân theo pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

Thực tiễn xét xử, hình phạt bổ sung được Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang áp dụng thể hiện CSHS của Nhà nước ta, trong đó việc áp dụng vừa mang tính trùng trị kết hợp với khoan hồng, vừa nghiêm trị kết hợp với giáo dục, cải tạo, thuyết phục, đáp ứng yêu cầu, được dư luận xã hội đồng tình ủng hộ, đồng thời phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Tuy nhiên, việc áp dụng HPBS của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định, gây khó khăn, vướng mắc, không thống nhất được trong nhận thức đối với hoạt động xét xử của hệ thống Tòa án cả nước nói chung và Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Tuyên Quang nói riêng.

Nguyên nhân của tình trạng trên là do quy định của pháp luật hình sự (PLHS) về HPBS còn nhiều điểm chưa cụ thể, rõ ràng, chưa đồng bộ và thống nhất giữa các điều luật. Ngoài ra, còn xuất phát từ việc giải thích, hướng dẫn áp dụng pháp luật chưa kịp thời, chưa đồng bộ và đầy đủ, xuất phát từ trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kiến thức pháp luật, ý thức pháp luật và trách

nhiệm nghề nghiệp, ý thức đạo đức công vụ chưa cao của một bộ phận những người làm công tác xét xử còn non kém... Trong đó, không ít cán bộ áp dụng pháp luật vẫn chưa nhận thức được một cách đúng đắn vai trò của các HPBS, chưa thấy được hiệu quả cũng như lợi ích của việc áp dụng HPBS đối với người phạm tội trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nói riêng và đối với người phạm tội trên cả nước nói chung.

Để khắc phục những bất cập, vướng mắc trong quy định và áp dụng pháp luật về HPBS, góp phần hoàn thiện PLHS trong thời gian tới, đồng thời, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp theo tinh thần Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm và bảo đảm quyền con người thì việc nghiên cứu, tìm hiểu những vấn đề lý luận về HPBS, làm rõ những ưu điểm cũng như bất cập trong quy định và thực tiễn áp dụng các hình phạt này trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Đây là cơ sở để đưa ra những kiến nghị, giải pháp nhằm hoàn thiện các quy định về HPBS trong PLHS Việt Nam. Đặc biệt, Bộ luật hình sự (BLHS) năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018, vì vậy sẽ có nhiều quy định cần được xem xét, sửa đổi để hoàn thiện hơn trong thời gian tới.

Từ những yêu cầu cấp thiết nêu trên, tác giả lựa chọn đề tài ***“Áp dụng hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Tuyên Quang”*** làm đề tài luận văn thạc sỹ.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Hình phạt là chế định quan trọng trong LHS, được rất nhiều nhà nghiên cứu lý luận hình sự, tội phạm học và các cơ quan bảo vệ pháp luật quan tâm nghiên cứu ở nhiều khía cạnh khác nhau.

Tuy nhiên, do HPBS còn mang tính chất tùy nghi áp dụng và chỉ tuyên kèm theo HPC nên HPBS hiện nay vẫn chưa được các nhà nghiên cứu quan

tâm, chú ý nhiều, các bài viết phân tích, bình luận về HPBS rất ít. Có một số bài viết về HPBS được đăng trên các tạp chí chuyên ngành, cụ thể:

- “Một số ý kiến về quyết định hình phạt bổ sung” của PGS.TS Trần Văn Độ trong Tạp chí Tòa án nhân dân, số 7, 1990;

- “Điểm mới trong Bộ luật hình sự năm 1999 về hình phạt bổ sung” của Đào Lê Thu trong Tạp chí Luật học số 03/2000;

- “Về khái niệm và đặc điểm của hình phạt bổ sung trong luật hình sự” của Trịnh Quốc Toàn trong Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học 25/2009;

- “Các hình phạt bổ sung trong luật hình sự năm 1999 và hướng dẫn hoàn thiện” của TS.Dương Tuyết Miên trong Tạp chí Tòa án nhân dân số 8 kỳ II tháng 4/2009;

- “Hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam” đây là sách chuyên khảo của TS.Trịnh Quốc Toàn...

Ngoài ra, còn một số nghiên cứu ở cấp độ luận văn thạc sỹ tại Học viện khoa học xã hội của các tác giả Nguyễn Xuân Hùng, Hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận, Hà Nội, 2014; tác giả Nguyễn Trúc Phương, Hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Sóc Trăng, Hà Nội, 2016; tác giả Huỳnh Thị Hồng Vân, Hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An, Hà Nội, 2017.

Mặc dù các công trình nghiên cứu khoa học trên đã đưa ra hướng giải quyết một số vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng HPBS nhưng vẫn còn những vấn đề vẫn chưa được thống nhất về nhận thức. Ngoài ra, chưa có công trình khoa học nào nghiên cứu về vấn đề áp dụng HPBS của Tòa án nhân dân hai cấp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Mục đích của luận văn là nghiên cứu phát triển những vấn đề lý luận về HPBS, phân tích các quy định về HPBS trong luật thực định và thực tiễn áp dụng HPBS trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, phát hiện các hạn chế, bất cập trong thực tiễn pháp luật và thực tiễn áp dụng HPBS, đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả của việc áp dụng HPBS trong thực tiễn.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên đây, luận văn phải thực hiện được những nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu, phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận về HPBS; khái quát lịch sử hình thành và phát triển của hình phạt bổ sung trong LHS Việt Nam từ năm 1945 đến trước khi ban hành BLHS năm 2015;

- Phân tích các HPBS trong BLHS năm 2015;

- Đánh giá thực trạng tình hình áp dụng HPBS của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Tuyên Quang từ năm 2014 đến tháng 6 năm 2018, chỉ ra những mặt tích cực, hạn chế thiếu sót và nguyên nhân;

- Đề ra những giải pháp hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng HPBS.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu về những vấn đề lý luận và thực tiễn áp dụng hình phạt bổ sung trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu về thực trạng áp dụng HPBS trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang từ năm 2014 đến tháng 6 năm 2018.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

- Cơ sở lý luận: Trên cơ sở quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước ta trong lĩnh vực PLHS; những thành tựu của khoa học, triết học, xã hội học, luật học, các học thuyết chính trị pháp lý...

- Phương pháp nghiên cứu: Luận văn sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phân tích, tổng hợp, so sánh, thống kê... Ngoài ra, trong quá trình nghiên cứu, tác giả tham khảo ý kiến của các chuyên gia ngành luật thông qua các buổi tọa đàm, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ, qua công tác thực tiễn và phương pháp nghiên cứu trực tiếp các hồ sơ và bản án hình sự.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Đây là công trình đầu tiên ở cấp độ luận văn thạc sĩ nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về HPBS theo PLHS Việt Nam từ thực tiễn áp dụng của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Tuyên Quang.

- Ý nghĩa lý luận: Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần xây dựng và hoàn thiện lý luận về HPBS trong BLHS;

- Ý nghĩa thực tiễn: Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp phần giải quyết được một số vấn đề khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn và định hướng thống nhất nhận thức pháp luật. Ngoài ra, đây còn là một tài liệu tham khảo, bổ sung kiến thức chuyên sâu cho những người đang làm công tác bảo vệ pháp luật; là tài liệu cần thiết để các nhà lập pháp, các nhà nghiên cứu, giảng dạy pháp luật, các học viên, sinh viên bổ sung kiến thức trong việc nâng cao nhận thức và nghiên cứu pháp luật.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về hình phạt bổ sung và áp dụng hình phạt bổ sung;

Chương 2: Quy định của Bộ luật hình sự năm 2015 về hình phạt bổ sung và thực tiễn áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Chương 3: Các giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam và nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt bổ sung.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ HÌNH PHẠT BỔ SUNG VÀ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT BỔ SUNG

1.1. Khái niệm, đặc điểm, vai trò của hình phạt bổ sung và áp dụng hình phạt bổ sung

1.1.1. Khái niệm hình phạt bổ sung và áp dụng hình phạt bổ sung

- Khái niệm hình phạt:

Khái niệm hình phạt trong luật hình sự được nhiều nhà nghiên cứu đưa ra nhiều quan điểm khác nhau. Tuy nhiên, BLHS năm 2015 ra đời thì khái niệm về hình phạt có sự mở rộng hơn trước so với BLHS năm 1999, áp dụng đối với cả pháp nhân thương mại phạm tội. Tại Điều 30 BLHS năm 2015 quy định: “Hình phạt là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà nước được quy định trong Bộ luật này, do Tòa án quyết định áp dụng đối với người hoặc pháp nhân thương mại phạm tội nhằm tước bỏ hoặc hạn chế quyền, lợi ích của người, pháp nhân thương mại đó”. Đồng thời tại Điều 31 BLHS năm 2015 cũng khái quát vấn đề mục đích của hình phạt như sau: “Hình phạt không chỉ nhằm trừng trị người, pháp nhân thương mại phạm tội mà còn giáo dục họ ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa họ phạm tội mới; giáo dục người, pháp nhân thương mại khác tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm”.

- Khái niệm hình phạt bổ sung:

BLHS Việt Nam hiện hành không có quy phạm định nghĩa về HPBS, các nhà khoa học cũng có những quan điểm khác nhau về HPBS như PGS.TS Trần Văn Độ cho rằng: “HPBS là hình phạt được áp dụng kèm theo HPC nhằm tăng cường hiệu quả của việc áp dụng hình phạt, đáp ứng mục đích cải tạo, giáo dục người phạm tội, phòng ngừa chung và phòng ngừa riêng”. [12, tr.8] TS. Uông Chu Lưu thì quan niệm: “HPBS là biện pháp cưỡng chế của Nhà nước

được quy định trong BLHS do Tòa án áp dụng đối với người phạm tội, phản ánh sự đánh giá của nhà nước về hành vi phạm tội và người đã thực hiện hành vi đó”. [38, tr.16] Còn GS.TS. Võ Khánh Vinh lại định nghĩa: “HPBS là hình phạt được bổ sung thêm vào HPC và không được tuyên độc lập mà chỉ có thể tuyên kèm theo một HPC. Tùy theo từng trường hợp cụ thể của vụ án, kèm theo một HPC, Tòa án có thể tuyên một hoặc vài HPBS”. [40, tr.110]

Như vậy, các nhà khoa học đều thống nhất và khẳng định HPBS là loại hình phạt được bổ sung cho HPC nhằm đạt được mục đích của hình phạt. Đồng thời, trong các khái niệm về HPBS, các nhà khoa học cũng đã nêu lên được những đặc điểm đặc trưng của HPBS. Kế thừa các quan niệm về HPBS nêu trên, đồng thời căn cứ vào quy định của BLHS năm 2015, tác giả cho rằng cần hiểu HPBS như sau: *“HPBS là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc do Tòa án có thể áp dụng bổ sung thêm cho HPC và không được tuyên độc lập mà chỉ tuyên kèm theo một HPC. Tòa án có thể áp dụng một hoặc một số HPBS đối với người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại phạm tội”*.

- *Khái niệm áp dụng hình phạt:*

Áp dụng hình phạt trước hết là một hoạt động áp dụng pháp luật, là một trong những nội dung chiếm vị trí quan trọng của quá trình áp dụng pháp luật hình sự, thể hiện ở chỗ chỉ có Tòa án mới có quyền áp dụng hình phạt. Đây là sự kết hợp giữa áp dụng pháp luật nội dung (BLHS) với luật hình thức (BLTTHS).

Hình phạt là biện pháp cưỡng chế mà Nhà nước giao cho Tòa án quyết định áp dụng với người phạm tội theo một trình tự, thủ tục pháp luật hình sự quy định, không một cơ quan nhà nước nào có quyền được áp dụng hình phạt. Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong Bộ luật hình sự để áp dụng đối với người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại phạm tội. Hình phạt do Tòa án quyết định phụ thuộc vào các tình tiết cụ thể của vụ án, có thể là nghiêm khắc, ít nghiêm khắc hoặc nhẹ nhưng phải bảo đảm đúng

pháp luật, công bằng, cá thể hóa. Vì vậy, để bảo đảm sự tương xứng khi áp dụng hình phạt phải cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Việc áp dụng hình phạt đúng sẽ đạt được mục đích của hình phạt trong việc cải tạo và giáo dục người bị kết án trở thành người có ích cho xã hội, có tác phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung. Ngược lại, nếu áp dụng hình phạt không đúng sẽ không đạt được mục đích của hình phạt.

Tóm lại, có thể hiểu áp dụng hình phạt như sau: “Áp dụng hình phạt là một nội dung của áp dụng pháp luật do Tòa án tiến hành, thể hiện ở việc Tòa án lựa chọn loại và mức hình phạt áp dụng đối với người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại phạm tội theo quy định của Bộ luật hình sự”.

- Khái niệm áp dụng hình phạt bổ sung:

BLHS Việt Nam hiện hành không có quy phạm định nghĩa về áp dụng hình phạt bổ sung, các nhà khoa học cũng có nhiều quan điểm khác nhau về áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, qua các khái niệm phân tích nêu trên có thể hiểu áp dụng hình phạt bổ sung như sau: “Áp dụng hình phạt bổ sung là một biện pháp cưỡng chế do Tòa án áp dụng bổ sung thêm cho HPC mà không được quyết định một cách độc lập và bắt buộc phải đi kèm với HPC. Người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại phạm tội có thể bị Tòa án quyết định áp dụng một hoặc một số HPBS”.

1.1.2. Đặc điểm của hình phạt bổ sung và áp dụng hình phạt bổ sung

HPBS là một bộ phận cấu thành của HTHP trong BLHS, ngoài những đặc điểm chung của hình phạt như: Là một biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất trong hệ thống các biện pháp cưỡng chế Nhà nước; được quy định trong LHS; do Tòa án áp dụng đối với chính cá nhân người đã có lỗi hoặc pháp nhân thương mại trong việc thực hiện một tội phạm và theo một trình tự riêng biệt; là công cụ đảm bảo cho LHS có thể thực hiện được nhiệm vụ bảo vệ

cũng như nhiệm vụ đấu tranh phòng và chống tội phạm thì HPBS còn có những đặc điểm riêng sau:

- HPBS không được áp dụng độc lập đối với mỗi loại tội phạm cụ thể mà chỉ được áp dụng bổ sung, kèm theo HPC và không được áp dụng với tất cả các tội phạm được quy định trong LHS.

Khi nhân danh Nhà nước tuyên bố bản án kết tội đối với người hoặc pháp nhân thương mại bị kết án, Tòa án có thể áp dụng một trong các HPC được quy định tại khoản 1 Điều 32 BLHS năm 2015 đối với người phạm tội như: Cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất, tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình và khoản 1 Điều 33 BLHS năm 2015 đối với pháp nhân thương mại: Phạt tiền, đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Đối với mỗi tội phạm, người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội chỉ bị áp dụng một HPC và có thể bị áp dụng một hoặc một số HPBS (khoản 3 Điều 32 và khoản 3 Điều 33 BLHS năm 2015).

Theo quy định trên, HPC về nguyên tắc luôn luôn được áp dụng độc lập, không phụ thuộc vào đối tượng là người phạm tội hay pháp nhân thương mại phạm tội, không phụ thuộc vào các loại hình phạt khác. Đối với mỗi loại tội phạm, dù là người phạm tội hay pháp nhân thương mại phạm tội Tòa án chỉ có thể áp dụng một HPC. Trong khi đó, HPBS lại không được áp dụng độc lập mà chỉ có thể được áp dụng kèm theo HPC. Nếu người phạm tội không bị áp dụng HPC (được miễn hình phạt) thì Tòa án cũng không được áp dụng HPBS đối với họ, Tòa án chỉ có thể áp dụng các HPBS cụ thể nếu điều luật về tội phạm có quy định. HPBS của tội phạm nào chỉ được áp dụng kèm theo HPC của tội phạm đó, không được áp dụng HPBS chung chung đối với tất cả các tội trong trường hợp một người bị kết án về nhiều tội.

Quy định HPBS kèm theo HPC giúp nâng cao hiệu quả của việc áp dụng hình phạt, đạt được mục đích phòng ngừa và xử lý tội phạm được toàn diện. Mặt khác, nếu quy định HPBS được áp dụng độc lập thì mức độ trừng

trị, cường chế sẽ ít nghiêm khắc, nên mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung sẽ không khả thi trong áp dụng và thực tiễn thi hành.

- HPBS là biện pháp cường chế Nhà nước được Tòa án áp dụng ít nghiêm khắc hơn so với HPC

Quy định HPBS đối với tội phạm là giúp cho việc xử lý tội phạm được toàn diện, triệt để, bổ sung hỗ trợ cho HPC đảm bảo thực hiện được mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung, củng cố thêm kết quả cho HPC. Vì vậy, cơ bản HPBS ít nghiêm khắc hơn HPC và luôn bổ sung cho HPC.

Mặc dù vậy, nếu so sánh và đánh giá riêng lẻ một số HPBS với HPC thì mức độ nghiêm khắc của HPBS trong một số trường hợp có khi còn cao hơn HPC. Ví dụ: HPC là hình phạt tiền hoặc cải tạo không giam giữ so với HPBS là tịch thu tài sản (đối với người phạm tội; hay hình phạt cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định so với hình phạt tiền là HPC (đối với pháp nhân thương mại phạm tội).

HPBS là các biện pháp cường chế không tước tính mạng, tự do thân thể, không buộc cách ly người phạm tội ra khỏi đời sống xã hội. Trong khi đó một số HPC lại có thể dẫn đến hậu quả trên cho người bị áp dụng như hình phạt tử hình, tù chung thân, tù có thời hạn. Điều này làm cho HPBS thiên về khía cạnh phòng ngừa, giáo dục người phạm tội nhiều hơn là mục đích trừng trị họ. Không giống như khi áp dụng HPC thì sự trừng trị của pháp luật nặng nề hơn.

Mặt khác, mặc dù có một số hình phạt vừa có thể là HPC vừa có thể là HPBS (như hình phạt trục xuất, phạt tiền) nhưng nếu bị áp dụng với tư cách là HPC thì sẽ để lại án tích cho người bị kết án trong một thời hạn nhất định. Đây là một đặc điểm pháp lý bất lợi (hay nặng nề hơn) đối với người phạm tội của HPC so với HPBS.

Vì vậy, nhà làm luật phải cân nhắc thận trọng khi quy định HPBS nào có thể được áp dụng kèm theo HPC nào, có như vậy mới phát huy được vai trò của HPBS với tư cách là hình phạt hỗ trợ cho HPC; tránh tình trạng HPBS

được quy định lại nghiêm khắc hơn HPC mà nó được áp dụng kèm theo. Còn đối với Tòa án, khi quyết định HPBS cần phải cân nhắc, xem xét kỹ lưỡng về tình hình cụ thể của vụ án, kết hợp hài hòa các ưu điểm của HPC và HPBS, nhằm tăng cường hiệu quả của HPBS, đảm bảo được tốt khả năng cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt.

- HPBS và việc áp dụng HPBS đều không tước quyền tự do thân thể của người bị kết án.

Trong quy định của BLHS năm 2015 thì tất cả các HPBS đối với người phạm tội đều là những biện pháp cưỡng chế hình sự không tước quyền tự do thân thể, không buộc phải cách ly người bị kết án khỏi đời sống xã hội. Vì vậy, nhìn chung HPBS ít nghiêm khắc hơn HPC, đặc biệt là so sánh HPBS với các HPC (tù có thời hạn, chung thân, tử hình). Tuy nhiên, khi xem xét riêng lẻ từng HPBS với HPC thì có trường hợp mức độ nghiêm khắc của HPBS có khi còn cao hơn HPC. Ví dụ như tịch thu tài sản so với hình phạt tiền với tư cách là hình HPC.... Sự nghiêm khắc của HPC thể hiện cụ thể ở hậu quả pháp lý là “án tích” cho người bị kết án. Đối với Tòa án cần xem xét cân nhắc kỹ lưỡng về tình hình cụ thể của vụ án, nhân thân người phạm tội để kết hợp hài hòa các quy định của HPC và HPBS, qua đó tăng cường được hiệu quả của HPBS, đảm bảo tốt khả năng cá thể hóa trách nhiệm hình sự và hình phạt.

Thực tiễn thi hành các bản án phạt tù hiện nay còn nhiều nội dung cần tháo gỡ, việc thi hành hình phạt tù chỉ thể hiện việc cách ly, trừng trị, còn việc cải tạo, giáo dục và các điều kiện cần thiết khác đối với người bị kết án tái hòa nhập cộng đồng còn chưa đáp ứng yêu cầu và hạn chế. Chính vì vậy, việc quy định các HPBS không tước quyền tự do, như cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; cấm cư trú; quản chế; tước một số quyền công dân có khả năng bổ sung cho mặt hạn chế đó.

- *Tòa án có thể quyết định áp dụng một hoặc một số HPBS đối với người phạm tội hoặc pháp nhân thương mại phạm tội.*

Tại khoản 3 Điều 32 và khoản 3 Điều 33 BLHS năm 2015 quy định đối với mỗi tội phạm, người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội chỉ có thể bị áp dụng một HPC và có thể bị áp dụng một hoặc một số HPBS. Như vậy, HPBS chỉ được Tòa án áp dụng đối với một số loại tội phạm nhất định do LHS quy định mà không được áp dụng đối với tất cả các loại tội phạm. Đối với mỗi tội phạm tòa án chỉ áp dụng một HPC nhưng có thể áp dụng một hoặc một số HPBS, nếu HPC đã đủ tác dụng để trừng trị, giáo dục thì không cần áp dụng thêm HPBS. Như vậy, trước khi áp dụng HPBS, Tòa án phải căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm để quyết định áp dụng kèm theo HPC sẽ áp dụng thêm một hoặc nhiều HPBS với người bị kết án.

- *Áp dụng HPBS được quy định bắt buộc hoặc tùy nghi áp dụng.*

Việc áp dụng HPBS có thể ở dạng bắt buộc hoặc có thể (tùy nghi) cũng là một trong những đặc điểm riêng của HPBS. HPBS được quy định tùy nghi hoặc bắt buộc áp dụng tùy thuộc vào từng loại tội phạm cụ thể. Luật quy định HPBS bắt buộc áp dụng đối với một số loại tội phạm, ngoài ra cũng quy định có thể áp dụng hoặc không áp dụng HPBS đối với một số loại tội phạm.

Tòa án phải xem xét và lựa chọn việc áp dụng HPBS cho phù hợp trong trường hợp quy phạm LHS quy định về tội phạm cụ thể và cho phép tùy nghi áp dụng HPBS. Đồng thời, phải cân nhắc, đánh giá kỹ lưỡng các tình tiết cụ thể của vụ án một cách toàn diện trước khi quyết định có áp dụng hay không áp dụng HPBS.

Ví dụ: Khoản 5, Điều 174 BLHS năm 2015 quy định về việc áp dụng HPBS đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản như sau: "Người phạm tội còn có thể phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cấm đảm nhiệm

chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Như vậy, điều luật quy định "có thể" tức là quy định tùy nghi nên Tòa án có thể quyết định áp dụng nhưng phải căn cứ vào các tình tiết của vụ án, các điều kiện áp dụng HPBS nhưng phải được xem xét đánh giá toàn diện, khách quan trước khi quyết định lựa chọn áp dụng hay không áp dụng HPBS.

Ngược lại, nếu việc áp dụng HPBS là bắt buộc thì điều luật sẽ có quy định "*còn bị*" thì trong trường hợp này, Tòa án khi quyết định hình phạt, tòa án phải áp dụng HPBS kèm theo HPC. Ví dụ: Người phạm tội về tội không truy cứu TNHS người có tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm (khoản 4 Điều 368 BLHS năm 2015). Trong trường hợp này, ngoài HPC thì Tòa án bắt buộc phải áp dụng HPBS cấm bị cáo không được đảm nhiệm chức vụ điều tra viên hoặc kiểm sát viên trong khoảng thời hạn từ một đến năm năm, kể từ sau khi họ chấp hành xong HPC. Tuy nhiên, thực tiễn có thể áp dụng chế định miễn hình phạt theo Điều 54 BLHS vì có những trường hợp người phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện không lớn.

- Không được áp dụng HPBS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội.

Người dưới 18 tuổi là người từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của BLHS năm 2015, đây cũng là điểm mới của LHS Việt Nam mà trước đây BLHS năm 1999 quy định là người chưa thành niên phạm tội. Người dưới 18 tuổi phạm tội là người mà sự phát triển về tâm sinh lý và thể chất không tương xứng, nhìn nhận thế giới quan và nhân sinh quan chưa có nhận thức đầy đủ. Sự phát triển về thể chất cũng như các đặc điểm nhân thân khác chịu sự tác động có tính quyết định của môi trường sống. Vì vậy, LHS Việt Nam không coi người dưới 18 tuổi phạm tội có năng lực trách nhiệm hình sự như người đủ 18 tuổi phạm tội. Năng lực trách nhiệm hình sự của người chưa đủ 18 tuổi còn hạn chế nên lỗi của người

chưa đủ 18 phạm tội là lỗi hạn chế. Do vậy, hình phạt đối với những người dưới 18 tuổi phạm tội cần có chính sách cũng như quy định riêng về trách nhiệm hình sự. Tại đoạn 3 khoản 6 Điều 91 BLHS năm 2015 quy định HPBS không được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Quy định này phản ánh CSHS nhân đạo trong LHS Việt Nam. Thực tiễn cho thấy nếu áp dụng HPBS đối với người bị kết án dưới 18 tuổi sẽ dẫn sẽ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình tu dưỡng, rèn luyện, sửa chữa sai phạm của người dưới 18 tuổi. Do đặc điểm về độ tuổi, người dưới 18 tuổi phạm tội có đặc điểm chưa phát triển đầy đủ về thể chất và tâm sinh lý nên việc áp dụng HPBS đối với người dưới 18 tuổi không phát huy được tính hiệu quả của HPC, không làm cho mục đích của hình phạt được thực hiện một cách triệt để, ngược lại nhiều trường hợp còn ảnh hưởng đến tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của họ. Do đó, đường lối xử lý hành vi phạm tội của người chưa đủ 18 tuổi chủ yếu là nhằm giáo dục đạo đức, ý thức tôn trọng pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội, tạo điều kiện để họ sửa chữa sai lầm, hòa nhập với cộng đồng và có ích cho xã hội.

1.1.3. Vai trò của hình phạt bổ sung và áp dụng hình phạt bổ sung

Thứ nhất, áp dụng HPBS góp phần quan trọng trong việc đấu tranh phòng, chống tội phạm và thực hiện CSHS.

Sự hiện diện của HPBS trong LHS bên cạnh HPC làm phong phú các biện pháp hình sự, làm cho HTHP cân đối hơn, tương xứng hơn, hoàn thiện hơn góp phần thực hiện các chức năng bảo vệ, chức năng phòng ngừa và chức năng giáo dục của LHS, đáp ứng tốt hơn yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, tạo điều kiện cho Tòa án thực hiện việc cá thể hóa hình phạt, lựa chọn biện pháp phù hợp để xử lý triệt để và công bằng đối với người bị kết án nhằm đạt được mục đích của hình phạt. Ngoài ra, việc áp dụng HPBS đối với người bị kết án sẽ làm tăng tính hiệu lực và hiệu quả của HPC, đạt được mục đích của hình phạt

Thứ hai, HPBS là loại hình phạt không thể tuyên độc lập mà nó chỉ được tuyên bổ sung cho HPC, nhưng không phải tuyên kèm theo bất kỳ loại HPC nào, đồng thời nó cũng không được quy định và áp dụng đối với mọi tội phạm mà chỉ đối với một số loại tội phạm nhất định.

Mặc dù ý nghĩa của việc áp dụng HPC là việc giáo dục, cải tạo, phòng ngừa tội phạm, còn việc áp dụng HPBS thì có ý nghĩa phòng ngừa nhiều hơn, nhưng dù là áp dụng HPC hay HPBS thì cũng đều nhằm đạt được mục đích của hình phạt. Bên cạnh tác dụng phòng ngừa tội phạm, HPBS vẫn còn có tác dụng trừng trị, cải tạo, giáo dục người bị kết án nhằm đạt được các mục đích của hình phạt và trách nhiệm hình sự, góp phần răn đe và giáo dục ý thức pháp luật đối với các thành viên khác trong xã hội. HPBS có nội dung trừng trị không cao như HPC nhưng nó lại có tác dụng loại trừ được các điều kiện xã hội của người bị kết tội phạm, thể hiện được sự lên án mạnh mẽ của nhà nước và làm tăng hiệu lực và hiệu quả của hình phạt.

Thứ ba, vai trò phòng ngừa tội phạm của việc áp dụng HPBS trong BLHS

HPBS tự thân nó cũng thể hiện được mục đích phòng ngừa tội phạm. Khi áp dụng HPBS đối với một cá nhân phạm tội thì HPBS đó tác động trực tiếp vào các hoàn cảnh khách quan của người đó làm cho họ không có hoặc hạn chế đi khả năng tiếp tục phạm tội. Các hoàn cảnh khách quan như nêu trên có thể là các điều kiện mà người đó có thể sử dụng để tiếp tục phạm tội. Đó có thể là các điều kiện về chức vụ, nghề nghiệp mà họ từng làm, tài sản mà họ có, điều kiện cư trú hay đi lại... Nếu không được áp dụng một số HPBS thì người phạm tội sau khi chấp hành hình phạt chính có thể tiếp tục thực hiện tội phạm, làm cho mục đích cải tạo, giáo dục người đó không đạt được. Chính vì vậy có thể khẳng định rằng HPBS có vai trò rất quan trọng trong để phòng ngừa tội phạm.

Thứ tư, áp dụng HPBS còn có tác dụng giáo dục, cải tạo người bị kết án; thuyết phục, động viên toàn xã hội tham gia vào việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Với hình phạt chính (đặc biệt là các hình phạt tước quyền tự do, tính mạng) thì vai trò của các tổ chức xã hội, quần chúng tham gia có phần hạn chế. Còn đối với các HPBS, khả năng tham gia của các thành phần trên lại được chú trọng hơn. Quá trình chấp hành hình phạt bổ sung không tách người đó ra khỏi đời sống cộng đồng, xã hội mặc dù có thể quyền tự do của họ không còn được đảm bảo như đối với công dân bình thường khác. Nhờ đó cộng đồng có thể tích cực trong việc tham gia giáo dục người phạm tội, có khả năng phát hiện kịp thời các vi phạm của họ để ngăn ngừa tội phạm. Ngoài ra khi cho phép địa phương, quần chúng cùng tham gia giáo dục cải tạo người phạm tội thì khả năng tuyên truyền, răn đe, giáo dục đối với chính cộng đồng đó cũng thuận lợi hơn. Tăng cường hiệu quả của công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

1.2. Sự phát triển của chế định hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam giai đoạn từ năm 1945 đến khi ban hành Bộ luật hình sự năm 2015

1.2.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1954

Đây là giai đoạn từ khi bắt đầu xây dựng nền móng PLHS của Nhà nước kiểu mới đến trước khi chấm dứt hoàn toàn việc áp dụng pháp luật của chế độ thực dân-phong kiến. Nghiên cứu LHS trong giai đoạn lịch sử này có thể rút ra một số đặc điểm chung của các quy định pháp luật về HPBS như sau:

- *Thứ nhất*, trong khi chưa xây dựng được kịp thời hệ thống PLHS mới, nên bên cạnh việc xóa bỏ một bộ phận các đạo luật hình sự thời kỳ thực dân - phong kiến, Nhà nước Việt Nam mới đã quyết định vẫn tạm thời giữ lại một số đạo luật hình sự, trong đó có chế định HPBS của chế độ cũ với việc đưa vào đó nội dung giai cấp mới.

- Thứ hai, xây dựng nền móng của hệ thống PLHS của chế độ mới, trong đó có chế định HPBS. Bên cạnh việc giữ lại một bộ phận PLHS của chế độ thực dân - phong kiến, Nhà nước ta đã tiến hành xây dựng nền móng của PLHS kiểu mới bằng việc ban hành các văn bản PLHS, mà chủ yếu là các sắc lệnh để kịp thời bảo vệ các thành quả của cách mạng. Trong các văn bản PLHS này, HPBS đã được quy định và từng bước hoàn thiện. Cụ thể:

Về hình phạt tiền bổ sung: Hình phạt tiền được quy định sớm tại Sắc lệnh số 68 ngày 30/11/1945 về các tội vi phạm thể lệ trưng thu, trưng dụng, trưng tập. Sau đó, với tư cách vừa là HPC vừa là HPBS hình phạt này được quy định trong nhiều sắc lệnh khác, như: Sắc lệnh số 45 ngày 5/4/1946 quy định các tội vi phạm thể lệ về lạc quyên, xổ số; Sắc lệnh số 168/SL ngày 14/4/1948 quy định các tội tổ chức đánh bạc, tội đánh bạc, tội gá bạc; Sắc lệnh số 123/SL ngày 27/10/1949 về vi phạm thể lệ chữa bệnh, chế thuốc; Sắc lệnh số 89/SL ngày 22/5/1950 cấm việc cho vay lãi chòng thành gốc; Nghị định số 150/TTg ngày 5/3/1952 của Thủ tướng phủ về tội phạm vi phạm thể lệ quản lý thuốc phiện.

Trong giai đoạn này, hình phạt tiền được quy định rất phổ biến trong các văn bản PLHS, với tính chất vừa là HPC, vừa là HPBS. Các văn bản PLHS đều xác định rõ mức phạt tiền tối thiểu và tối đa để tòa án tuyên đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể. Đặc biệt, Điều 6 Nghị định số 32/NĐ ngày 6/4/1952 của Bộ Tư pháp đã hướng dẫn tiền phạt được tính theo giá gạo. Thông tư số 113/VHH ngày 6/4/1952 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định trên đã xác định rõ là để định tiền phạt: giá gạo ấy là giá gạo nơi trụ sở tòa án xét xử và khi tuyên án. Mức tối đa và tối thiểu tiền phạt tùy lấy số gạo làm tiêu chuẩn, nhưng khi tòa án tuyên phạt tiền phạt phải tính ra tiền và đơn vị vẫn là đồng bạc tài chính.

Về hình phạt tịch thu tài sản: Cũng như hình phạt tiền, tịch thu tài sản là hình phạt được quy định đầu tiên với tư cách là HPBS trong PLHS của chế

độ mới tại Điều 12 Sắc lệnh số 68 ngày 30/11/1945 về các tội vi phạm thể lệ trưng thu, trưng dụng, trưng tập. Sau đó tịch thu tài sản được quy định trong Sắc lệnh số 21 ngày 14/2/1946; Sắc lệnh số 163 ngày 23/3/1946 tổ chức Tòa án binh lâm thời đặt tại Hà Nội; Sắc lệnh số 223/SL ngày 17/11/1946 truy tố các tội hối lộ, phù lạm, biên thủ công quỹ; Sắc lệnh số 133 ngày 20/01/1953 về trừng trị tội phản cách mạng.

- *Về hình phạt cấm hành nghề hoặc công việc nhất định:* Hình phạt này mới được quy định tại Sắc lệnh số 157SL ngày 16/8/1946. Theo sắc lệnh này, hình phạt tiền được áp dụng là HPC, còn biện pháp bắt phải đóng cửa hiệu bào chế là HPBS. Đến khi có Nghị định số 298-TTg ngày 18/8/1953 của Chính phủ cụ thể hóa các quy định trong Sắc luật số 175-SL ngày 18/8/1953 về hình phạt quản chế, thì phạm vi các nghề và công việc nhất định mà người bị kết án bị cấm được mở rộng, bao gồm: chụp ảnh, khắc dấu, mở nhà in; làm bán hoặc chữa vũ khí, thuốc nổ, những đồ dùng về điện khí, vô tuyến điện; mở hàng cơm, quán trọ, hàng cà phê, rạp hát, làm nghề cắt tóc; chế tạo, buôn bán các thứ thuốc chữa bệnh, làm nghề thầy thuốc, thầy lang; dạy học, mở hiệu sách (Điều 2).

- *Về hình phạt tước quyền công dân:* Văn bản PLHS đầu tiên của Nhà nước ta quy định hình phạt này là Sắc lệnh số 106/SL ngày 5/6/1950 về tội trốn tránh nghĩa vụ tòng quân. Điều 2 của Sắc lệnh quy định những người bị kết án phạt tù có thể bị tước tất cả quyền công dân. Sau đó hình phạt này với tên gọi "mất quyền công dân" được quy định trong các Sắc lệnh số 133 ngày 20/01/1953 về trừng trị tội phản cách mạng; Sắc lệnh số 149-SL, Sắc lệnh 150-SL và Sắc lệnh 151-SL ngày 12/4/1953 về chính sách ruộng đất. Các sắc lệnh trên được quy định chi tiết bởi Nghị định số 264-TTg ngày 1/5/1953 của Chính phủ. Điều 5 của Nghị định đã quy định rõ "đối với những hành động phạm pháp của địa chủ, việt gian, cường hào gian ác chống pháp luật trong khi và ở những nơi phát động quần chúng tham gia cải cách ruộng đất nếu bị

kết án phạt tù hoặc quản chế thì trong thời gian đó cũng bị mất quyền công dân, nếu bị phạt tù từ 10 năm trở lên thì bị mất quyền công dân suốt đời, nếu bị phạt tù dưới 10 năm thì sau khi mãn hạn tù sẽ mất quyền công dân trong thời gian bằng thời gian bị tù". Sắc luật số 175 ngày 18/06/1953 về hình phạt quản chế cũng quy định người bị quản chế phải chịu một số kỷ luật quản chế nhất định và bị mất quyền công dân trong thời gian quản chế.

Hình phạt tước quyền công dân trong các văn bản PLHS thời kỳ này có các đặc điểm sau: 1) tên gọi của hình phạt này trong các văn bản PLHS là khác nhau như: tước tất cả quyền công dân; mất quyền công dân...; 2) được quy định áp dụng đối với từng loại tội phạm cụ thể, nhưng nội dung của hình phạt (tước (hoặc mất) các quyền công dân cụ thể nào), không được quy định rõ ràng nên dễ dẫn đến khả năng áp dụng không thống nhất của các tòa án; 3) thời hạn của hình phạt được quy định bằng thời hạn của hình phạt tù, quản chế hoặc vĩnh viễn.

- *Thứ ba*, trong nhiều văn bản PLHS thời kỳ này vẫn còn ảnh hưởng của PLHS thời pháp thuộc, ví dụ như Điều 2 Sắc lệnh số 168/SL ngày 14/4/1948 về tội tổ chức đánh bạc và gá bạc quy định những người đánh bạc sẽ bị phạt tù từ 1 năm đến 3 năm và phạt bạc từ 5000 đến 50000đ, ngoài ra còn có thể bị quản thúc từ 1 năm đến 5 năm. Quản thúc là loại hình phạt được quy định trong các BLHS của chế độ cũ. Nó chỉ được áp dụng đến khi có Sắc luật số 175-SL ngày 18/8/1953 quy định về biện pháp quản chế.

- *Thứ tư*, PLHS thời kỳ đầu của Nhà nước ta không phân chia rõ ràng giữa các quy định Phần chung và Phần các tội phạm, do vậy đối với các HPBS trong thời kỳ này, nhìn chung chỉ được quy định đối với từng loại tội phạm cụ thể trong các văn bản PLHS hoặc các văn bản pháp luật (VBPL) khác có tính chất hình sự. Duy nhất chỉ có Sắc luật số 175 ngày 18/08/1953 về hình phạt quản chế có quy định cụ thể khái niệm, bản chất, nội dung, điều kiện, phạm vi, thời hạn áp dụng biện pháp cưỡng chế này với tư cách hoặc là

biện pháp cưỡng chế hành chính hoặc là một loại HPC. Theo Sắc luật này, quản chế không được áp dụng với tư cách là HPBS.

1.2.2. Giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1985

Đây là giai đoạn từ khi không còn áp dụng PLHS của chế độ thực dân phong kiến đến trước khi pháp điển hóa LHS lần thứ nhất với việc ban hành BLHS năm 1985. Nghiên cứu LHS trong giai đoạn lịch sử này có thể rút ra một số đặc điểm của chế định HPBS như sau:

- Xóa bỏ hoàn toàn việc áp dụng các đạo LHS của thời kỳ thực dân-phong kiến, trong đó có chế định HPBS. Thực tiễn cho thấy, từ ngày hòa bình lập lại, sự nghiệp cách mạng đã chuyển sang giai đoạn mới, các VBPL, chính sách, đường lối, án lệ ngày một nhiều, vì thế việc áp dụng luật lệ của chế độ cũ không những không còn thích hợp nữa, mà còn gây ra những tác hại nhất định trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

- Bên cạnh việc xóa bỏ hoàn toàn pháp luật của chế độ cũ, Nhà nước ta tiếp tục bổ sung, hoàn thiện PLHS, trong đó có chế định HPBS, thể hiện ở chỗ tiếp tục ban hành các văn bản PLHS mới, cụ thể: Trong 30 năm từ 1955 đến trước khi BLHS năm 1985 được Quốc hội thông qua, Nhà nước ta đã ban hành nhiều sắc lệnh, pháp lệnh quy định về những loại tội phạm, nhóm tội phạm cụ thể và đường lối xử lý đối với các tội phạm đó, trong đó có những văn bản PLHS quan trọng như: Sắc lệnh số 267/SL ngày 15/06/1956 về trừng trị những âm mưu, hành động phá hoại làm thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, của hợp tác xã và của nhân dân, cản trở việc thực hiện chính sách, kế hoạch xây dựng kinh tế và văn hóa ; Sắc luật số 001/SLt ngày 19/4/1957 về cấm chỉ mọi hành vi đầu cơ về kinh tế; Pháp lệnh trừng trị các tội phản cách mạng ngày 30/10/1967; Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản XHCN và Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản riêng của công dân 21/10/1970; Sắc luật số 03 SL/76 ngày 15/03/1976 quy định các tội phạm và

hình phạt; Pháp lệnh trừng trị tội hối lộ ngày 20/5/1981; Pháp lệnh trừng trị các tội đầu cơ, buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép ngày 30/06/1982.

Trong số các HPBS nêu trên, hình phạt tước những quyền lợi của công dân đã có sự hoàn thiện đáng kể về nội dung và thời hạn áp dụng, trước đây hình phạt này chỉ được quy định chung chung, không nêu rõ nội dung, thời hạn áp dụng thì ở Pháp lệnh này, nội dung và thời hạn áp dụng hình phạt đã được quy định rõ là người bị kết án bị tước từ 2 năm đến 5 năm những quyền lợi của công dân như sau: Quyền bầu cử và ứng cử; quyền làm việc trong biên chế nhà nước và trong các tổ chức của lực lượng vũ trang nhân dân; quyền đảm nhiệm cương vị phụ trách trong các tổ chức chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội.

Ngoài ra, đối với hình phạt quản chế, trước đây theo Sắc luật số 175-SL ngày 18/8/1953 hình phạt này chỉ được áp dụng là HPC, nhưng nay theo Pháp lệnh này lại được quy định áp dụng bắt buộc với tư cách là hình phạt phụ đối với những người bị kết án về một trong những tội phản cách mạng. Trong khi áp dụng quản chế với tư cách là hình phạt phụ, tòa án phải tuân thủ các quy định chung về nội dung, phạm vi, thời hạn của hình phạt quản chế theo Sắc luật số 175-SL ngày 18/8/1953 và Nghị định số 298-TTg ngày 18/8/1953 của Chính phủ cụ thể hóa các quy định trong Sắc luật số 175-SL ngày 18/8/1953.

Sắc luật số 03 SL/76, ngày 15/03/1976, quy định các tội phạm và hình phạt. Theo Điều 11 của Sắc luật, cấm lưu trú là hình phạt phụ áp dụng tùy nghi đối với các tội phản cách mạng với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm.

Ngoài ra, còn có nhiều VBPL có tính chất hình sự được ban hành trong đó có quy định liên quan đến HPBS.

- Trong thời kỳ lịch sử từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhất là từ 1955 đến trước khi ban hành BLHS năm 1985, các văn bản PLHS được ban hành chủ yếu là những VBPL đơn hành đề cập đến các tội phạm cụ thể, ít đề cập đến các vấn đề thuộc về Phần chung. Chính vì vậy, các văn bản riêng biệt của TANDTC cũng như các thông tư liên ngành có vai trò đặc biệt quan trọng

trong giải thích pháp luật, hướng dẫn việc áp dụng PLHS liên quan đến các quy phạm Phần chung LHS, trong đó có các HPBS.

1.2.3. Giai đoạn từ năm 1985 đến năm 1999

BLHS năm 1985 thi hành ngày 01/01/1986 đã thể hiện được CSHS của Đảng và Nhà nước, thể hiện được tính thống nhất của tội phạm và hình phạt trong hệ thống văn bản pháp luật một cách tổng thể có hệ thống. Tuy nhiên, sau đó đã được sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS, đó là các luật sửa đổi năm 1989, 1990, 1992, 1997 và sau đó được thay thế bằng BLHS năm 1999. BLHS năm 1985 quy định chế định HPBS có những đặc điểm sau:

- Đã kế thừa có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp hình sự quy định về các HPBS trong PLHS nước ta trước đây.

- Điều 26 BLHS 1985 đã quy định một HTHP hoàn chỉnh và được cấu thành bởi hai phần: HPC và HPBS.

- BLHS năm 1985 quy định HPBS ở cả phần chung và phần các tội phạm.

1.2.4. Giai đoạn từ năm 1999 đến trước năm 2015

BLHS năm 1999 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2000 và được sửa đổi bổ sung một số điều năm 2009 quy định HPBS tại hai phần: Phần chung và Phần các tội phạm. Những quy định về HPBS trong BLHS 1999 đã có những điểm mới so với BLHS 1985, cụ thể:

- HPBS đã được đa dạng hóa thêm bằng hình phạt mới, đó là hình phạt trục xuất. Điều 32 BLHS 1999 quy định: “Trục xuất là buộc người nước ngoài bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam”, đối tượng áp dụng của hình phạt trục xuất là người nước ngoài phạm tội và bị kết án theo LHS Việt Nam. Trục xuất được Tòa án áp dụng là HPC hoặc HPBS trong từng trường hợp cụ thể.

Việc bổ sung hình phạt trục xuất vào HTHP trong BLHS năm 1999 là việc làm hết sức cần thiết nhằm phục vụ chính sách mở rộng giao lưu và hợp

tác quốc tế của Nhà nước ta, có ý nghĩa lớn trong việc mở rộng khả năng lựa chọn hình phạt thích hợp để áp dụng đối với người nước ngoài.

- Quy định về HPBS “Cấm đảm nhiệm những chức vụ, làm những nghề hoặc công việc nhất định” (Điều 28 BLHS năm 1985) đã có những thay đổi nhất định về mặt ngôn từ với tên gọi trong BLHS năm 1999 là “Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định” (Điều 36). Đây là thay đổi để tránh sự hiểu sai về số lượng chức vụ, nghề hoặc công việc bị cấm qua việc cắt bỏ từ “những”, đồng thời tên HPBS cũng đã được sử dụng ngôn ngữ chính xác hơn so với BLHS năm 1985.

- Các hình phạt cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân (các Điều 37, 38, 39 BLHS năm 1999) có bổ sung quy định cụ thể về loại HPC mà các HPBS này có thể được áp dụng kèm theo, đó là hình phạt tù có thời hạn. Mặc dù trước đây vấn đề này đã được thực tiễn xét xử thừa nhận (không quy định trực tiếp trong BLHS năm 1985) song việc lần đầu tiên nó được quy định trong BLHS năm 1999 đã thể hiện sự nhận thức đúng đắn của nhà làm luật về đòi hỏi của nguyên tắc pháp chế XHCN.

- Hình phạt tước một số quyền công dân (Điều 39 BLHS năm 1999) bổ sung thêm quy định về việc tước quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước của người bị kết án. Tước một số quyền công dân vẫn luôn là hình phạt có tính nghiêm khắc cao, được quy định áp dụng chủ yếu đối với các tội xâm phạm ANQG (ANQG). Vì vậy, việc người bị kết án về các tội này bị tước quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước là hoàn toàn xác đáng bởi những người này không có đủ tư cách và đủ độ tin cậy để đại diện cho ý nguyện của nhân dân.

- Quy định về hình phạt tiền với tư cách là HPBS lần đầu tiên được cụ thể hóa tại khoản 2 Điều 32 BLHS năm 1999: “... Phạt tiền được áp dụng là HPBS đối với người phạm các tội về tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do Bộ luật này quy định...” khác với quy định tại Điều 23 BLHS năm 1985 không

xác định cụ thể khi nào phạt tiền được áp dụng là HPC còn khi nào được áp dụng là HPBS, quy định tại Điều 30 BLHS năm 1999 đã làm rõ hơn vai trò cũng như phạm vi áp dụng của hình phạt tiền với tư cách là HPBS.

Bên cạnh đó, phạm vi áp dụng của hình phạt tiền được mở rộng. Trước đây, trong BLHS năm 1985, phạt tiền được áp dụng là HPBS chủ yếu đối với các tội có tính chất vụ lợi, tham nhũng, các tội có dùng tiền làm phương tiện hoạt động như các tội phạm về kinh tế, về ma túy, về chức vụ. Để phát huy hơn nữa vai trò của hình phạt tiền khi xử lý các tội phạm trong nền kinh tế thị trường, BLHS năm 1999 đã được xây dựng theo hướng tăng cường hình phạt tiền, quy định áp dụng đối với một số nhóm các tội khác như một số tội phạm xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người, các tội xâm phạm sở hữu, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, các tội xâm phạm về môi trường, các tội xâm phạm trật tự công cộng...

- HPBS trong BLHS năm 1985 được quy định thành điều luật riêng ở cuối mỗi chương để áp dụng cho các tội thuộc chương đó nhưng BLHS năm 1999 đã có quy định cụ thể hơn về HPBS, đó là việc quy định HPBS trực tiếp cho mỗi tội phạm tại chính điều luật quy định tội phạm đó, đảm bảo nguyên tắc pháp chế đòi hỏi, chỉ khi nào chế tài của điều luật về tội phạm có quy định hình phạt này thì tòa án mới có quyền áp dụng với bị cáo. Cách quy định này đã thể hiện được sự tác động có lựa chọn của HPBS đối với người phạm tội tùy theo loại tội phạm và nhân thân người phạm tội. HPBS được quy định và thích hợp, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của từng tội phạm cụ thể lại vừa thuận tiện cho việc áp dụng.

Tiểu kết chương

HTHP ở nước ta được chia làm hai nhóm: nhóm HPC và HPBS. Hiện nay, khái niệm pháp lý về HPBS chưa được BLHS năm 2015 quy định cụ thể, mặc dù vậy khái niệm pháp lý về HPBS cũng được các nhà nghiên cứu khoa

học đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau. Dựa trên sự tổng hợp các quan niệm về HPBS trong khoa học LHS và quy định của BLHS năm 2015, tác giả cho rằng khái niệm pháp lý về HPBS cần được hiểu như sau: HPBS là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc do Tòa án có thể áp dụng bổ sung thêm cho HPC và không được tuyên độc lập mà chỉ tuyên kèm theo một HPC.

Luận văn cũng đã phân tích những đặc điểm riêng của HPBS trong mối liên hệ với HPC. Đó là các đặc điểm như: HPBS không được áp dụng độc lập đối với mỗi tội phạm cụ thể mà chỉ được áp dụng bổ sung cho HPC và không được áp dụng với tất cả các tội phạm được quy định trong LHS; trong HTHP, các HPBS không được sắp xếp theo một trật tự nhất định như các HPC; các HPBS là những hình phạt không tước quyền tự do thân thể của người bị kết án; có thể áp dụng một hoặc nhiều HPBS kèm theo HPC; được quy định dưới dạng bắt buộc áp dụng hoặc có thể áp dụng. Các đặc điểm đặc thù của HPBS xuất phát từ chính vai trò, chức năng của HPBS, là biện pháp bổ sung tăng cường cho HPC, đồng thời cũng thể hiện được tính độc lập trong việc góp phần thực hiện các chức năng của LHS, góp phần quan trọng vào việc thực hiện chức năng phòng ngừa tội phạm.

Lịch sử hình thành và phát triển của chế định HPBS trong PLHS Việt Nam luôn gắn liền với từng giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam từ năm 1945 đến khi ban hành BLHS năm 2015, nó là cả một quá trình tiếp thu, kế thừa, phát triển thể hiện tính lịch sử, tính khách quan, tính giai cấp của hình phạt. Sự phát triển này có ý nghĩa rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay để hoàn thiện PLHS Việt Nam.

Đây là cơ sở lý luận để tác giả tìm hiểu, nghiên cứu quy định của BLHS năm 2015 về HPBS và đánh giá thực tiễn áp dụng HPBS của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Tuyên Quang ở Chương 2.

Chương 2
QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015
VỀ HÌNH PHẠT BỔ SUNG VÀ THỰC TIỄN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH TUYẾN QUANG

2.1. Các hình phạt bổ sung theo quy định Bộ luật hình sự năm 2015

2.1.1. Hình phạt bổ sung đối với người phạm tội

2.1.1.1. Hình phạt bổ sung cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

Điều 41 BLHS 2015 quy định: “Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để người bị kết án đảm nhiệm chức vụ, hành nghề hoặc làm công việc đó thì có thể gây nguy hại cho xã hội.

Thời hạn cấm là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu HPC là cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ hoặc trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo”.

Nội dung của hình phạt này thể hiện ở việc hạn chế quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, công việc của người bị kết án, cụ thể:

- Cấm người bị kết án đảm nhiệm chức vụ nhất định. Mặc dù điều luật không chỉ rõ những chức vụ cụ thể bị cấm, nhưng theo Điều 352 BLHS năm 2015, người có chức vụ được hiểu là "người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một nhiệm vụ nhất định và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ, nhiệm vụ". Do phạm vi áp dụng HPBS này tương đối rộng nên trước khi áp dụng, tòa án phải căn cứ vào các tình tiết cụ thể của vụ án, cân nhắc một cách toàn diện các tình tiết khách quan và chủ quan và phải xác định rõ trong bản án là chức vụ nào người kết án bị cấm. Tòa án quyết

định cấm người bị kết án đảm nhiệm chức vụ nhất định là nhằm loại bỏ khả năng những người này đang chấp hành hoặc sau khi chấp hành xong HPC lại tiếp tục lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ khi thi hành công vụ gây thiệt hại cho các quan hệ xã hội được LHS bảo vệ.

- Cấm người bị kết án không được hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Nghề nghiệp là công việc hàng ngày của con người nhằm tìm kiếm những lợi ích vật chất nhất định và được đào tạo nghề trong các trường lớp hoặc nghề nghiệp có được là do tự học hỏi, rèn luyện mà có, nhưng phải mang tính ổn định cao, gắn liền với cuộc sống thường ngày của họ như: thợ mộc, thợ tiện, nghề khắc dấu, bác sĩ, giáo viên, luật sư, lập trình viên, v.v...

Để có thể áp dụng hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định phải đáp ứng được các điều kiện:

- Hình phạt này chỉ được áp dụng kèm theo HPC là hình phạt tù có thời hạn, cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, hoặc người bị kết án được hưởng án treo;

Trước đây, theo Điều 28 BLHS năm 1985, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định là HPBS được áp dụng kèm theo tất cả các HPC, bao gồm cả tù chung thân, tử hình. Đến Điều 36 BLHS năm 1999 và Điều 41 BLHS năm 2015 cũng không quy định áp dụng hình phạt này với người bị kết án tù chung thân hoặc tử hình có thể xuất phát từ quan niệm cho rằng nội dung cơ bản của hai loại hình phạt này hoặc là tước đoạt tính mạng (tử hình) hoặc là bị tù suốt đời (tù chung thân) đối với người bị kết án, dẫn đến việc áp dụng hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định kèm theo là không còn có ý nghĩa.

- Hình phạt này phải được quy định trong điều luật về tội phạm và hình phạt mà bị cáo đã phạm.

BLHS năm 2015 đã quy định cụ thể các HPBS, trong đó có hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định, cho từng tội phạm ngay tại khoản cuối của điều luật quy định về tội phạm đó. Vì vậy, việc áp dụng các HPBS nói chung và hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định nói riêng phải dựa trên cơ sở chế tài của điều luật về tội phạm quy định. Nguyên tắc pháp chế đòi hỏi, chỉ khi nào chế tài của điều luật về tội phạm có quy định hình phạt này thì tòa án mới có quyền áp dụng với bị cáo.

2.1.1.2. Hình phạt tước một số quyền công dân

Tước một số quyền công dân là một trong loại hình phạt được quy định rất sớm trong LHS Việt Nam. Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, trong nhiều văn bản PLHS có quy định hình phạt này là hình phạt phụ với các tên gọi khác nhau như "mất quyền công dân", "tước một số quyền công dân", "tước những quyền lợi của công dân" để áp dụng đối với công dân Việt Nam phạm các tội xâm phạm ANQG hoặc một số tội phạm khác. Tước một số quyền công dân là một hình phạt mang tính chất chính trị, nó có vai trò chủ yếu là phòng ngừa tái phạm ở người bị kết án.

Quyền công dân là cơ sở để xác định quyền và nghĩa vụ cụ thể của công dân, xác định địa vị pháp lý của công dân đối với Nhà nước mình mang quốc tịch. Hiến pháp năm 2013 quy định rất nhiều quyền của công dân về các lĩnh vực chính trị, dân sự, kinh tế, xã hội. v.v... Nhưng nội dung của hình phạt tước một số quyền công dân theo quy định Điều 44 BLHS năm 2015 chỉ là tước bỏ một hoặc một số quyền về chính trị cơ bản của người phạm tội, đó là:

- Quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước, tức là việc Tòa án không cho người bị kết án sử dụng quyền ứng cử đại biểu Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp, vì Điều 69 và Điều 113 Hiến pháp năm 2013 quy định, cơ quan quyền lực nhà nước là Quốc hội và hội đồng nhân dân các cấp. Quy định này cũng là điểm mới của BLHS năm 2015 so với quy định BLHS

năm 1999 quy định tại Điều 39 đã bỏ quy định về việc tước quyền bầu cử đại biểu cơ quan quyền lực Nhà nước.

- Tòa án không cho người bị kết án được quyền vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, bất kỳ cơ quan nào và không được tham gia lao động hoặc làm việc dưới bất kỳ hình thức nào trong cơ quan nhà nước.

- Tòa án không cho người bị kết án được quyền làm việc trong bất cứ đơn vị lực lượng vũ trang nào thuộc Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

Theo quy định tại Điều 44 BLHS năm 2015 thì điều kiện áp dụng HPBS tước một số quyền công dân là:

- Hình phạt này chỉ được áp dụng đối với bị cáo là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên. Đối với bị cáo là người nước ngoài, người không quốc tịch thì không được áp dụng hình phạt này.

- Hình phạt này chỉ được áp dụng đối với người bị kết án phạt tù về một trong những tội xâm phạm ANQG hoặc một số tội phạm khác trong những trường hợp điều luật về tội phạm đó có quy định.

Thời hạn áp dụng hình phạt này để tước quyền công dân từ 01 năm đến 05 năm. Thời điểm được tính kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù hoặc kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật trong trường hợp người bị kết án được hưởng án treo. Trong bản án phải ghi rõ người bị kết án bị tước những quyền gì và thời hạn tước là bao lâu.

2.1.1.3. Hình phạt cấm cư trú

Điều 42 BLHS 2015 đã ghi nhận nội dung cơ bản của hình phạt này là "buộc người bị kết án phạt tù không được tạm trú và thường trú ở một số địa phương nhất định". Với nội dung này, tính chất trừng trị nghiêm khắc của hình phạt cấm cư trú đã được thể hiện rất rõ nét, bởi nó tước bỏ của người bị kết án quyền tự do cư trú ở một hoặc một số địa phương trong thời gian nhất định. Việc cấm người bị kết án không được cư trú ở địa phương nhất định là nhằm hạn chế, ngăn ngừa họ lợi dụng sự am hiểu địa bàn, cũng như những

mối quan hệ xã hội mà họ đã có trước đây hoặc các điều kiện thuận lợi khác ở địa phương đó để phạm tội mới. Điều luật này không liệt kê cụ thể những địa phương nào người bị kết án bị cấm tạm trú và thường trú. Nhưng thực tiễn xét xử cho thấy, những địa phương mà người bị kết án có thể bị cấm cư trú thường là những khu vực quan trọng, xung yếu về chính trị, kinh tế và quốc phòng như: Những khu vực quan trọng ở trong các thành phố lớn và những khu công nghiệp tập trung; những khu vực ở biên giới, bờ biển, hải đảo; những khu vực có những cơ sở quốc phòng quan trọng; những khu vực có những đầu mối giao thông quan trọng [35]

Về những điều kiện để áp dụng hình phạt này, Điều 42 BLHS năm 2015 quy định như sau:

- *Thứ nhất*, cấm cư trú với tư cách là HPBS chỉ được áp dụng kèm theo hình phạt tù mà không được áp dụng kèm theo tất cả các HPC, trong đó có cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, tù chung thân, tử hình. Quy định như vậy là hợp lý bởi: Nội dung trừng trị của các hình phạt cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ rõ ràng là không nghiêm khắc bằng hình phạt cấm cư trú, nên nếu áp dụng nó kèm theo các HPC này sẽ không phát huy được vai trò và vị thế của nó, trong thực tiễn xét xử cũng không có tòa án nào áp dụng hình phạt cấm cư trú kèm theo các hình phạt này; mặt khác, do tính chất của hình phạt tử hình (tước đoạt tính mạng của người bị kết án) và hình phạt tù chung thân (tù suốt đời) nên việc áp dụng cấm cư trú kèm theo các hình phạt này là không có ý nghĩa. Tuy nhiên, quy phạm LHS quy định hình phạt cấm cư trú được áp dụng với *người bị kết án tù*. Do quy định không rõ ràng như vậy, nên có thể hiểu HPBS này có thể áp dụng kèm theo không chỉ với hình phạt tù có thời hạn mà cả với hình phạt tù chung thân. Ngoài ra, điều luật lại không quy định rõ là hình phạt này được áp dụng với người bị kết án phạt tù về loại tội phạm nào như những điều luật quy định về hình phạt quản chế hoặc tước một số quyền công dân.

- *Thứ hai*, hình phạt cấm cư trú chỉ được áp dụng có điều kiện và phải trong trường hợp điều luật về tội phạm và hình phạt BLHS năm 2015 trong Phần các tội phạm có quy định. Điều này thể hiện rõ nguyên tắc pháp chế trong LHS quy định hình phạt.

2.1.1.4. Hình phạt quản chế

Quản chế được quy định lần đầu tiên trong Sắc luật 175/SL năm 1953 với tư cách vừa là biện pháp cưỡng chế hành chính thuộc thẩm quyền của ủy ban hành chính, đồng thời cũng là một HPC thuộc thẩm quyền của tòa án. Sau đó nó được quy định là hình phạt phụ trong một số VBPL. Đến khi có BLHS 1985 và BLHS 1999, 2015 thì quản chế chỉ được quy định với tư cách là HPBS.

Hình phạt quản chế buộc người bị kết án làm ăn sinh sống tại một địa phương nhất định dưới sự kiểm soát của chính quyền và nhân dân địa phương là nhằm ngăn ngừa họ lợi dụng các điều kiện thuận lợi về cư trú, đi lại để phạm tội mới, đồng thời cải tạo, giáo dục, tạo cho họ có điều kiện tái hòa nhập xã hội.

So với cấm cư trú, hình phạt quản chế có nội dung trừng trị nghiêm khắc hơn, bởi lẽ hình phạt này đã hạn chế quyền tự do cư trú của người bị kết án ở mức cao hơn. Người bị kết án quản chế chỉ được cư trú ở một địa phương nhất định, thông thường nơi quản chế là nơi sinh quán hoặc cư trú của người bị kết án, nhưng cũng có thể là một nơi khác thích hợp. Họ còn bị tước một số quyền công dân như: quyền ứng cử đại biểu cơ quan quyền lực nhà nước; quyền làm việc trong các cơ quan nhà nước và quyền phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân. Người bị kết án cũng bị cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Việc tước một số quyền công dân cũng như cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định là bắt buộc áp dụng với người bị kết án quản chế. Tòa án cần phải tuyên rõ ràng, trong bản án kết tội, những quyền công dân nào bị tước bỏ, những nghề nghiệp hoặc công việc cụ thể nào người bị kết án bị cấm làm (Nghị định số 53/2001/NĐ-CP ngày 23/08/2001 của

Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành hình phạt quản chế đã quy định đầy đủ các nghĩa vụ và các quyền của người bị quản chế và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn với tư cách là cơ quan thi hành hình phạt này) [37.tr101].

Về phạm vi và điều kiện áp dụng hình phạt quản chế, Điều 43 BLHS năm 2015 quy định hình phạt này được áp dụng ở một trong ba trường hợp sau:

- Với người bị kết án phạt tù về một trong các tội xâm phạm ANQG;
- Với người bị kết án phạt tù trong trường hợp tái phạm nguy hiểm;
- Với người bị kết án tù trong những trường hợp khác do BLHS quy định.

Ngoài ra, hình phạt quản chế chỉ được áp dụng kèm theo hình phạt tù, chứ không áp dụng kèm theo HPC khác như cảnh cáo, phạt tiền, cải tạo không giam giữ, trục xuất và tử hình. Thời hạn quản chế là từ 01 năm đến 05 năm, kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2.1.1.5. Hình phạt trục xuất với tính chất là hình phạt bổ sung

Trong LHS, trục xuất được quy định là hình phạt trong Điều 37 BLHS năm 2015. Chúng tôi cho rằng, sự hiện diện của hình phạt trục xuất trong BLHS làm cho HTHP nước ta cân đối, tương xứng và hoàn thiện hơn, làm đa dạng hóa các hình thức thực hiện TNHS, tạo cho tòa án khi xét xử có điều kiện lựa chọn loại hình phạt thích hợp hơn cho việc cá thể hóa hình phạt đối với bị cáo trong mỗi trường hợp phạm tội cụ thể để thực hiện việc phòng ngừa triệt để khả năng tiếp tục phạm tội mới của người nước ngoài tại Việt Nam, nhằm bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của tổ quốc, các quyền và lợi ích của công dân. Có thể nói hình phạt này là công cụ đáp ứng hữu hiệu yêu cầu của công tác phòng ngừa và chống tội phạm, nhất là các loại tội phạm quốc tế, xuyên quốc gia trong quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và xây dựng nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay, tạo điều kiện cho các cơ quan bảo vệ pháp luật linh hoạt hơn trong vận dụng các biện pháp PLHS để áp dụng đối với người phạm tội, đồng thời nó cũng phù hợp với xu hướng phát

triển chung của HTHP trong LHS ở các nước tiên tiến- xu hướng tăng cường các hình phạt không tước quyền tự do, giảm thiểu việc áp dụng hình phạt tước tự do đối với người phạm tội.

BLHS năm 2015 quy định tại Điều 37, trục xuất là "buộc người nước ngoài bị kết án phải rời khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam" việc quy định như vậy với ý nghĩa phòng ngừa việc tái phạm tội của người bị kết án.

Theo Điều 2 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008, Điều 3 Pháp lệnh xuất nhập cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 28/4/2000 và Điều 1 Nghị định 54/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ hướng dẫn về việc thi hành hình phạt trục xuất thì khái niệm người nước ngoài được hiểu là "người không có quốc tịch Việt Nam". Khoản 3 Điều 1 Nghị định 54/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 Chính phủ hướng dẫn thi hành hình phạt trục xuất quy định: "Việc trục xuất người nước ngoài phạm tội thuộc đối tượng được hưởng các quyền miễn trừ ngoại giao hoặc ưu đãi và miễn trừ về lãnh sự được giải quyết bằng con đường ngoại giao".

Tại Điều 4 Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 quy định: "Nhà nước Việt Nam công nhận công dân Việt Nam có một quốc tịch Việt Nam, trừ trường hợp Luật này có quy định khác", khoản 4 Điều 5 của Luật này lại quy định: "Quyền và nghĩa vụ của công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài đang định cư ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan". Vậy nên có thể có công dân Việt Nam mang hai quốc tịch. Đối với người Việt Nam vừa mang quốc tịch Việt Nam, vừa mang quốc tịch nước ngoài, nếu phạm tội tại Việt Nam thì về nguyên tắc các tòa án không được áp dụng hình phạt trục xuất đối với họ. [37.tr108-109]

Cũng theo Điều 37 BLHS năm 2015 trục xuất là một loại hình phạt lưỡng tính, nó vừa là HPC vừa là HPBS, tương tự như hình phạt tiền. Khi tòa án đã áp dụng là HPC thì hình phạt này không được áp dụng với tư cách là HPBS nữa.

Mặc dù LHS quy định hình phạt trục xuất là HPBS được áp dụng với người nước ngoài phạm tội, nhưng không phải người nước ngoài nào phạm tội tại Việt Nam đều bị áp dụng hình phạt này. Kể cả trong trường hợp áp dụng là HPC hay HPBS. Trước khi áp dụng hình phạt này, Tòa án cần căn cứ vào từng vụ án cụ thể để đánh giá toàn diện các tình tiết, căn cứ quyết định hình phạt quy định tại Điều 50 BLHS.

Ngoài ra, khác với các HPBS khác thì hình phạt trục xuất không quy định cụ thể về điều kiện, phạm vi áp dụng hình phạt trục xuất. Do vậy, tùy từng trường hợp, điều kiện cụ thể mà Tòa án áp dụng hình phạt này.

2.1.1.6. Hình phạt tiền với tính chất là HPBS

Phạt tiền là một trong những biện pháp cưỡng chế của nhà nước được Tòa án quyết định áp dụng trong bản án đối với người bị kết án nhằm tước một khoản tiền nhất định của họ sung vào công quỹ của nhà nước đối với những tội phạm do LHS quy định.

Trong số các HPBS quy định trong LHS, hình phạt tiền luôn chiếm một vị trí quan trọng, được quy định áp dụng phổ biến nhất. Trong LHS Việt Nam hiện nay, hình phạt tiền là một bộ phận cấu thành rất quan trọng của HTHP, góp phần tạo nên tính đa dạng, hoàn thiện của hệ thống này.

Cũng như trục xuất, phạt tiền là loại hình phạt lưỡng tính vừa tồn tại trong hệ thống HPC vừa tồn tại trong hệ thống HPBS. Quy định như vậy, theo chúng tôi, nhà làm luật mở ra khả năng đa dạng hóa các biện pháp xử lý hình sự, tăng cường tính linh hoạt trong việc vận dụng, định hướng áp dụng hình phạt mà luật đã quy định.

Khoản 2 Điều 35 BLHS năm 2015 không đưa ra định nghĩa về hình phạt tiền và cũng không nêu rõ nội dung của hình phạt này. Nhưng theo tinh thần của điều luật, với tư cách là HPBS, phạt tiền được tòa án áp dụng đối với những người bị kết án về các tội phạm tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do BLHS quy định thông qua việc buộc họ phải nộp một khoản

tiền nhất định sung vào kho bạc nhà nước. Hình phạt tiền với tính chất là HPBS có vai trò hỗ trợ, tăng cường những tác động của HPC trong việc giáo dục, cải tạo người phạm tội, loại trừ điều kiện phạm tội mới ở họ. Đồng thời phạt tiền qua đó còn thực hiện mục đích răn đe, phòng ngừa chung đối với các cá nhân không vững vàng trong xã hội. Ngoài ra, hình phạt này còn tạo ra nguồn thu cho Ngân sách nhà nước.

Theo khoản 2 Điều 35 BLHS năm 2015 quy định, tòa án chỉ có thể áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với bị cáo nếu thỏa mãn hai điều kiện sau:

- 1) Hình phạt tiền bổ sung được áp dụng đối với những người bị kết án về các tội phạm tham nhũng, ma túy hoặc những tội phạm khác do BLHS quy định;
- 2) Tài chế tài của điều luật về tội phạm trong Phần các tội phạm BLHS có quy định loại hình phạt này.

Trước đây, BLHS năm 1985 không quy định cụ thể mức phạt tiền, nhưng đến BLHS năm 1999 đã quy định mức phạt tiền cụ thể, kế thừa BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 vẫn quy định mức phạt tiền thấp nhất là 01 triệu đồng. Đồng thời, trong các điều luật cụ thể quy định về tội phạm và hình phạt đều có quy định HPBS là hình phạt tiền, trong đó có quy định mức tối thiểu và mức tối đa đối của hình phạt đối với mỗi loại tội phạm khác nhau. Bên cạnh đó, cũng có những điều luật về tội phạm chỉ quy định mức phạt tiền dựa trên số lần thu lợi bất chính hay giá trị hàng hóa phạm pháp... Quy định như trên tuy chưa có sự phân biệt rành mạch giữa mức tối thiểu của phạt tiền là HPC với HPBS nhưng tác giả cho rằng đây cũng là một bước phát triển lớn, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xét xử trong việc áp dụng HPBS. Trên thực tế, nếu tòa án áp dụng mức tiền phạt thấp quá đối với những người phạm tội chuyên nghiệp, luôn mang tư tưởng chủ nghĩa cá nhân, làm giàu bất chính, trục lợi... thì sẽ không đạt được mục đích hình phạt này. Còn nếu tòa án áp dụng mức hình phạt tiền quá cao so với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình hình tài sản của người bị kết án và

so với giá cả thị trường thì không chỉ trái với mục đích của hình phạt theo LHS nước ta, mà còn làm cho hình phạt không có tính khả thi, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

BLHS năm 1999 có quy định về phương thức thi hành hình phạt tiền, tại khoản 4 Điều 30 BLHS quy định: “Tiền phạt có thể được nộp một lần hoặc nhiều lần trong thời hạn do tòa án quyết định”. Quy định này vừa không bảo đảm tính khả thi vừa mâu thuẫn với quy định về thủ tục thi hành án dân sự, đồng thời thực tiễn áp dụng pháp luật chưa có tòa án nào áp dụng khoản 4 Điều 30 BLHS năm 1999 để quyết định bị cáo phải nộp tiền phạt một lần hay nhiều lần trong bản án. Vì vậy, nhà làm luật đã bỏ quy định về phương thức thi hành hình phạt tiền khi xây dựng và ban hành BLHS năm 2015.

2.1.1.7. Hình phạt tịch thu tài sản

HPBS tịch thu tài sản là một biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do Tòa án quyết định áp dụng đối với người bị kết án về một trong những tội phạm được LHS quy định nhằm là tước của họ một phần hoặc toàn bộ tài sản nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của BLHS.

So sánh với các HPC không tước quyền tự do và cả với một số HPBS khác thì tịch thu tài sản có tính chất nghiêm khắc hơn rất nhiều. Tính nghiêm khắc đó của hình phạt tịch thu tài sản được thể hiện ở nội dung cơ bản là tước một phần hoặc toàn bộ tài sản thuộc sở hữu riêng của người bị kết án sung công quỹ nhà nước. Mục đích của hình phạt này nhằm thu hồi các tài sản của người phạm tội do thu lợi bất chính mà có, tước bỏ các điều kiện thuận lợi về mặt kinh tế để ngăn ngừa trong tương lai những người này có thể tiếp tục tái phạm, gây nguy hại cho xã hội, qua đó giáo dục người phạm tội ý thức tôn trọng pháp luật và nhân dân trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

Điều 45 BLHS năm 2015 quy định các điều kiện để áp dụng hình phạt tịch thu tài sản là:

- Tịch thu tài sản chỉ được áp dụng đối với người bị kết án về tội phạm nghiêm trọng, tội rất nghiêm trọng hoặc tội đặc biệt nghiêm trọng.

- Tịch thu tài sản được áp dụng đối với tội phạm xâm phạm ANQG, tội phạm về ma túy, tham nhũng hoặc tội phạm khác do Bộ luật này quy định.

Đây cũng là điểm mới của BLHS năm 2015, trước đây BLHS năm 1999 không quy định hình phạt tịch thu tài sản được áp dụng với loại tội phạm nào mà chỉ quy định chung chung. Quy định của BLHS năm 2015 đã cụ thể hơn, xác định rõ loại tội phạm được áp dụng hình phạt tịch thu tài sản và ngoài ra đối với các tội phạm khác được thể hiện ở điều luật cụ thể quy định trách nhiệm hình sự của loại tội đó.

Tài sản ở đây không phải là những vật, tiền bạc trực tiếp liên quan đến tội phạm, vì đó là những tang vật của vụ án đương nhiên bị tịch thu và bị xử lý theo những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS), mà được hiểu là tài sản thuộc sở hữu của người bị kết án, nó bao gồm vật có thực, tiền, giấy tờ trị giá được bằng tiền và các quyền về tài sản, cụ thể là những tài sản mà người đó đang sử dụng, quyền sử dụng đất, nhà ở, trụ sở của họ, tài sản cho vay, cho mượn, cho thuê, gửi sửa chữa, tài sản đang cầm cố, thế chấp, tiền trong tài khoản ngân hàng, tổ chức tín dụng...

Điều 45 BLHS năm 2015 phản ánh tính nhân đạo trong CSHS của Nhà nước ta khi quy định: "Khi tịch thu toàn bộ tài sản vẫn để cho người bị kết án và gia đình họ có điều kiện sinh sống", nội dung này trước đây TANDTC cũng đã có hướng dẫn. Đến nay, mặc dù chưa có văn bản chính thức nào của Nhà nước ta trong lĩnh vực hình sự quy định cụ thể về danh mục các tài sản thiết yếu mà người bị kết án có thể giữ lại để đảm bảo nhu cầu sinh sống tối thiểu của họ và gia đình, nhưng căn cứ quy định pháp luật thi hành án dân sự hiện hành và thực tiễn xét xử của tòa án thì những tài sản có điều kiện sinh sống" là: đồ dùng sinh hoạt thông thường như quần áo, chăn màn, giường

chiều, lương thực, thực phẩm, thuốc men; công cụ lao động đối với nghề nghiệp kiếm sống và các vật dụng thiết yếu khác.

2.1.2. Hình phạt bổ sung đối với Pháp nhân thương mại phạm tội

2.1.2.1. Cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định

Điều 80 BLHS năm 2015 quy định cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định được áp dụng khi xét thấy nếu để pháp nhân thương mại bị kết án tiếp tục kinh doanh hoặc hoạt động trong lĩnh vực đó, thì có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc cho xã hội.

Là HPBS, không được Tòa án tuyên độc lập mà được tuyên kèm theo các HPC đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Có tác dụng hỗ trợ cho HPC, làm tăng thêm tính nghiêm ngặt cho cho HPC hay giáo dục pháp nhân, ngăn ngừa pháp nhân phạm tội mới, cũng như để pháp nhân tôn trọng pháp luật, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Nếu như phạt tiền có thể là loại hình phạt lưỡng tính, vừa có thể áp dụng là HPC hoặc HPBS thì cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định chỉ được áp dụng là HPBS. Hơn nữa, hình phạt này cũng chỉ được áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội mà không áp dụng đối với các chủ thể khác. Những pháp nhân thương mại khi xét xử, Tòa án thấy rằng nếu để họ tiếp tục kinh doanh hoặc hoạt động trong lĩnh vực đó thì có thể gây nguy hại cho tính mạng, sức khỏe của con người hoặc cho xã hội. Ví dụ, pháp nhân thương mại chôn, lấp, đổ, thải ra môi trường chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy; pháp nhân thương mại đưa chất thải nguy hại hoặc chất hữu cơ khó phân hủy cần phải loại trừ theo quy định tại phụ lục A Công ước Stockholm vào lãnh thổ Việt Nam... Những hành vi này nếu để pháp nhân tiếp tục hoạt động trong lĩnh vực đó có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe cho con người cũng như toàn xã hội, vì vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, xét thấy bên cạnh HPC cần thiết phải có hình phạt khác bổ trợ cho HPC để phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, hạn chế thiệt hại do tội phạm gây ra Tòa án

có thể tuyên hình phạt cấm kinh doanh hoặc hoạt động một số trong lĩnh vực nhất định.

Pháp nhân phạm tội có thể bị Tòa án tuyên cấm kinh doanh hoặc hoạt động ở một hoặc nhiều lĩnh vực. Mặc dù ở phần chung cũng như ở phần các tội phạm cụ thể không quy định cụ thể lĩnh vực cấm hoạt động kinh doanh đối với pháp nhân nhưng có thể hiểu đó là những lĩnh vực có liên quan đến hành vi phạm tội của pháp nhân thương mại.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 80 BLHS thì thời gian thấp nhất khi đưa ra HPBS này là 01 năm và cao nhất là 03 năm. Ngoài ra, Tòa án có thể tuyên các thời hạn khác nhưng phải nằm trong khoảng thời gian nói trên. Tìm hiểu các quy định trong phần các tội phạm cụ thể thấy rằng có 32/33 Điều luật quy định TNHS đối với pháp nhân thương mại có quy định HPBS cấm kinh doanh hoặc hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định. Tội phạm quy định tại Điều 216 tội trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp là Điều luật duy nhất không quy định HPBS này. Trong 33 điều luật đó đều quy định khoảng thời gian cấm kinh doanh hoặc hoạt động từ 01 năm đến 03 năm.

2.1.2.2. Cấm huy động vốn

Theo quy định tại Điều 81 BLHS năm 2015 thì hình phạt cấm huy động vốn được Tòa án quyết định áp dụng khi xét thấy nếu tiếp tục để pháp nhân thương mại bị kết án huy động vốn sẽ có nguy cơ tiếp tục phạm tội. Pháp nhân không thể kinh doanh, hoạt động được nếu thiếu vốn. Vốn là điều kiện tiên quyết để pháp nhân thương mại tồn tại và đầu tư cho các hoạt động kinh doanh. Có thể nói, cấm huy động vốn là một HPBS cần thiết, quan trọng áp dụng đối với pháp nhân thương mại nhằm hỗ trợ cho HPC. Huy động vốn được áp dụng là HPBS đối với pháp nhân thương mại phạm tội trong trường hợp xét thấy nếu pháp nhân thương mại có nguy cơ tiếp tục phạm tội nếu được huy động vốn, có nghĩa rằng hình phạt này nhằm ngăn ngừa pháp nhân

phạm tội, đảm bảo sự minh bạch, công bằng đối với các pháp nhân khác. Phòng ngừa thiệt hại do pháp nhân thương mại gây ra cho xã hội. Trong BLHS, hình phạt này được ghi nhận tại 28/33 điều luật về tội phạm cụ thể quy định TNHS đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Có 05 điều không quy định hình phạt cấm huy động vốn bao gồm: Điều 216, Điều 235, Điều 237, Điều 238 và Điều 239, đây là nhóm tội phạm mà áp dụng quy định hình phạt cấm huy động vốn không mang lại hiệu quả hoặc pháp nhân phạm tội thuộc một trong các trường hợp trên huy động vốn không ảnh hưởng đến việc thực hiện hành vi phạm tội.

Huy động vốn được hiểu là các hoạt động nhằm tiếp nhận nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi từ các tổ chức và cá nhân bằng các hình thức khác nhau để phục vụ cho mục đích kinh doanh của pháp nhân. Là một trong những hoạt động chủ yếu và quan trọng đối với pháp nhân nhằm tạo đầu vào cho hoạt động kinh doanh, pháp nhân rất khó mở rộng hoạt động kinh doanh nếu không mở rộng được nguồn vốn của mình. Trong trường hợp pháp nhân phạm tội, để phòng ngừa pháp nhân tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội có thể gây thiệt hại đến các quan hệ xã hội được LHS bảo vệ, Tòa án có thể tuyên hình phạt cấm huy động vốn đi kèm cùng với HPC.

Tuy nhiên, việc để pháp nhân thương mại bị kết án huy động vốn có phải là điều kiện làm phát sinh hành vi phạm tội hay không thì phải được Tòa án xem xét, đánh giá trên nhiều yếu tố, nhiều phương diện, khía cạnh khác nhau, bởi lẽ chỉ cần Tòa án quyết định áp dụng hình phạt nhưng nếu thực tế xét thấy việc áp dụng này là hoàn toàn không cần thiết, không phù hợp thì sẽ để lại hậu quả to lớn cho pháp nhân bị áp dụng. Pháp nhân thương mại với một mục đích chính và duy nhất là hoạt động thương mại nhằm tìm kiếm lợi nhuận, trong quá trình hoạt động cũng như trên thực tế hiện nay của môi trường doanh nghiệp – một loại hình của pháp nhân thương mại thì đa số các pháp nhân này đều sử dụng nguồn tài chính từ bên ngoài để hoạt động kinh

doanh thông qua các kênh huy động vốn khác nhau. Do vậy khi không có căn cứ xác đáng mà Tòa án lại quyết định áp dụng HPBS là cấm huy động vốn của pháp nhân thì chắc chắn một điều rằng pháp nhân đó phải gánh chịu những thiệt hại nhất định tùy thuộc vào phạm vi áp dụng của chế tài cũng như khả năng tự chủ về tài chính, cơ hội kinh doanh của mình. Từ đó, có thể thấy rằng việc áp dụng HPBS này phải được Tòa án xem xét, cân nhắc rất kỹ lưỡng nhằm tránh các hậu quả xảy ra.

Khoản 2 Điều 81 BLHS năm 2015 quy định các hình thức cấm huy động vốn bao gồm những hình thức sau:

Thứ nhất: Cấm vay vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc quỹ đầu tư

Trong tổng thể các kênh huy động vốn hiện nay của một doanh nghiệp nói riêng và một pháp nhân thương mại nói chung đều được thực hiện phần lớn từ các tổ chức tín dụng, ngân hàng. Mức vốn hóa cho mọi thị trường đều xuất phát từ kênh huy động này. Do vậy đối với một pháp nhân thương mại bị kết án mà còn bị áp dụng HPBS là cấm huy động vốn theo phương thức, cách thức này thì rõ ràng biện pháp đã thực sự có những tác động nhất định lên đối tượng bị áp dụng. Xét về phạm vi áp dụng thì phương thức cấm huy động vốn này có thể được áp dụng rộng rãi cho mọi loại hình pháp nhân

Thứ hai: Cấm phát hành, chào bán chứng khoán

Một pháp nhân khi phát hành và chào bán chứng khoán ra thị trường cho dù dưới hình thức nào đi nữa thì mục đích cuối cùng cũng là nhằm tăng nguồn tài chính cho pháp nhân phát hành. Nguồn tài chính này được thu từ các cổ đông, nhà đầu tư tham gia vào quá trình mua bán chứng khoán trên thị trường.

Về phạm vi áp dụng: Chỉ áp dụng được cho một số pháp nhân nhất định vì không phải mọi pháp nhân đều được quyền phát hành và chào bán chứng khoán ra thị trường, hay nói cách khác biện pháp này được áp dụng một cách có chọn lọc.

Thứ ba: Cấm huy động vốn của khách hàng.

Tùy vào từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh mà pháp nhân thương mại được quyền huy động nguồn vốn trước của khách hàng để tạo nguồn tài chính nhằm tiếp tục thực hiện, hoàn thiện các sản phẩm, dịch vụ để đáp ứng cho chính các khách hàng mà pháp nhân đã huy động vốn trước đó. *Ví dụ:* Một pháp nhân hoạt động kinh doanh bất động sản mà cụ thể là đầu tư dự án xây dựng căn hộ thương mại để bán và theo qui định Luật kinh doanh bất động sản, Chủ đầu tư được quyền huy động vốn trước của khách hàng có nhu cầu nhận chuyển nhượng sau khi đáp ứng các điều kiện luật định về phần móng, hạ tầng kỹ thuật... Tuy nhiên việc áp dụng chế tài cấm huy động vốn theo phương thức này chỉ thực sự phát huy hiệu quả đối với các lĩnh vực hoạt động, ngành nghề mà theo qui định của pháp luật pháp nhân muốn huy động vốn trước của khách hàng phải đáp ứng các điều kiện luật định. Còn đối với các hoạt động khác, việc huy động vốn trước phụ thuộc vào thỏa thuận, ý chí giữa pháp nhân và khách hàng của mình mà không có các ràng buộc về điều kiện luật định nên rất khó để thực thi trên thực tế khi áp dụng chế tài này đối với pháp nhân thương mại bị kết án.

Thứ tư: Cấm liên doanh, liên kết trong và ngoài nước

Liên doanh, liên kết là việc pháp nhân thương mại cùng với các pháp nhân, đơn vị, cá nhân, tổ chức khác góp vốn để thực hiện một hoạt động kinh doanh nào đó với mục đích là cùng hưởng lợi nhuận trên cơ sở tỷ lệ nguồn vốn của mỗi bên khi tham gia vào mối quan hệ liên doanh, liên kết này. Việc cấm liên doanh, liên kết ở đây chỉ được áp dụng trong trường hợp pháp nhân thương mại bị kết án là bên chủ động kêu gọi các bên cùng liên doanh, liên kết nhằm tạo nguồn vốn cho pháp nhân thương mại sử dụng hoạt động kinh doanh nhưng theo đánh giá của Tòa án thì pháp nhân này sẽ không sử dụng đúng mục đích nguồn vốn huy động mà sử dụng dụng nó cho hoạt động tội phạm. Ngược lại pháp nhân thương mại bị kết án có thực hiện hành vi liên

doanh, liên kết nhưng lại là bên đi trao nguồn vốn cho một pháp nhân khác thực hiện hoạt động kinh doanh thì hành vi này hoàn toàn không bị cấm vì xét về bản chất đây không phải là hành vi đi huy động vốn.

Thứ năm: Cấm hình thành quỹ tín thác bất động sản

Quỹ tín thác bất động sản hay gọi tắt là REITs, một kênh huy động vốn mới cho thị trường bất động sản nói chung và thị trường nhà ở nói riêng. Nó được hình thành dựa trên nguồn vốn nhàn rỗi nhỏ lẻ từ các cá nhân, tổ chức trong xã hội thông qua việc phát hành chứng chỉ quỹ. Như vậy việc pháp luật quy định cấm pháp nhân thương mại bị kết án hình thành quỹ tín thác bất động sản là nhằm ngăn chặn các nguồn vốn tụ trung tại một đối tượng mà Tòa án có cơ sở để xác định khả năng phát sinh hành vi phạm tội.

Phạm vi đối tượng bị áp dụng: Vì bản chất của quỹ tín thác bất động sản chỉ thực hiện trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản nên cũng bị giới hạn về đối tượng bị áp dụng chế tài này.

Đối với các hình thức cấm huy động vốn nêu trên, Tòa án có thể quyết định áp dụng một hoặc một số hình thức cấm huy động vốn đối với pháp nhân thương mại bị kết án.

Cấm huy động vốn thời hạn áp dụng từ 01 năm đến 03 năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.1.2.3. Phạt tiền với tính chất là hình phạt bổ sung

Cũng giống như hình phạt tiền đối với cá nhân phạm tội, phạt tiền với tính chất là HPBS đối với pháp nhân thương mại phạm tội là hình phạt có tính chất kinh tế nhằm vào tài sản của pháp nhân đó, được thực hiện bằng việc buộc pháp nhân phải nộp một khoản tiền nhất định. Phạt tiền được áp dụng đối với một số tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và các tội phạm về môi trường. Không phải mọi tội phạm ở hai chương này đều quy định HPBS là hình phạt tiền mà chỉ có 29/33 điều luật ở chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và chương các tội phạm về môi trường có quy định hình phạt tiền đối

với pháp nhân. 04 điều luật không quy định hình phạt tiền là HPBS tại các Điều 200, 210, 213, 216 BLHS năm 2015, vì HPC được quy định đối với các tội này BLHS quy định áp dụng duy nhất là hình phạt tiền nên sẽ không được áp dụng hình phạt tiền là HPBS. Đó cũng là lý do mà nhà làm luật không quy định hình phạt tiền là HPBS đối với các tội này. Ngoài ra BLHS không quy định hình phạt tiền ở bất kỳ một điều luật về tội phạm cụ thể nào khác.

Pháp nhân thương mại hoạt động vì mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận. Hình phạt hiệu quả nhất đối với pháp nhân thương mại là nhằm vào tài sản của tổ chức, thông qua đó để đạt được mục tiêu của hình phạt là trừng trị pháp nhân đồng thời giáo dục pháp nhân tuân theo pháp luật, ngăn ngừa phạm tội mới, phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm. Trong trường hợp hình phạt tiền được áp dụng là HPC thì không được áp dụng hình phạt tiền làm HPBS nữa, chỉ được áp dụng hình phạt tiền là HPBS khi không áp dụng là HPC.

Về mức phạt tiền, theo quy định tại khoản 2 Điều 77 thì mức tiền phạt được căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của tội phạm và có xét đến tình hình tài chính của pháp nhân thương mại phạm tội, sự biến động của giá cả nhưng không được thấp hơn 50 triệu đồng và tại Điều 77 cũng không quy định mức tối đa của hình phạt tiền áp dụng đối với pháp nhân. Tuy vậy, thống kê BLHS tại 33 điều luật quy định hình phạt tiền là HPBS đối với pháp nhân cho thấy, mức thấp nhất của hình phạt tiền trong trường hợp áp dụng là HPBS đối với pháp nhân thương mại phạm tội tối thiểu là 50 triệu đồng như ở các tội như buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới, tội sản xuất, buôn bán hành cấm, tội tàng trữ vận chuyển hàng cấm...v.v.. Bên cạnh đó, mức cao nhất đối với pháp nhân thương mại phạm tội áp dụng là HPBS là 2 tỉ đồng được quy định tại điểm d khoản 6 Điều 211 tội thao túng thị trường chứng khoán.

Trong sự so sánh với các hình phạt khác được áp dụng đối với pháp nhân thương mại thì hình phạt tiền có thể thấy là loại hình phạt ít nghiêm khắc hơn so với hình phạt đình chỉ hoạt động có thời hạn hay đình chỉ hoạt

động vĩnh viễn đối với chủ thể thực hiện tội phạm. Hình phạt này không tước đi quyền hoạt động của chủ thể mà chỉ tước quyền lợi về kinh tế của pháp nhân thương mại.

2.2. Thực tiễn áp dụng HPBS trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

2.2.1. Những kết quả đạt được

Về công tác thụ lý, giải quyết, xét xử các vụ án hình sự trong giai đoạn từ năm 2014 đến tháng 6 năm 2018, hệ thống Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý tổng số 2.419 vụ án hình sự, giải quyết 2.191 vụ, đạt tỷ lệ 90,6% tổng số thụ lý. Số bị cáo bị đưa ra xét xử là 4.940 bị cáo, số bị cáo bị áp dụng HPBS là 694 bị cáo, chiếm tỷ lệ 14% số bị cáo bị đưa ra xét xử, cụ thể: Năm 2014 đưa ra xét xử 973 bị cáo, có 188 bị cáo bị áp dụng HPBS, chiếm tỷ lệ 19,3%; năm 2015 đưa ra xét xử 1.034 bị cáo, có 158 bị cáo bị áp dụng HPBS, chiếm tỷ lệ 15,3%; năm 2016 đưa ra xét xử 793 bị cáo, có 84 bị cáo bị áp dụng HPBS, chiếm tỷ lệ 10,6%; năm 2017 đưa ra xét xử 1141 bị cáo, có 204 bị cáo bị áp dụng HPBS, chiếm 17,9%; 6 tháng đầu năm 2018 thi hành BLHS năm 2015 đưa 369 bị cáo ra xét xử, áp dụng HPBS đối với 59 bị cáo, chiếm 16%.

Qua kết quả nêu trên cho thấy, tỷ lệ các bị cáo bị xét xử và tỷ lệ các bị cáo bị áp dụng các HPBS trong thời gian từ năm 2014 đến tháng 6 năm 2018 có lúc tăng, giảm không đồng đều. Tuy nhiên, về cơ bản các vụ án đều quyết định hình phạt đúng quy định pháp luật, không có trường hợp nào kết án oan người không có tội, hình phạt mà Tòa án áp dụng tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, bảo đảm đúng quy định pháp luật, đáp ứng được yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Trong các HPBS nêu trên được Tòa án lựa chọn áp dụng nhiều nhất là hình phạt tiền. Trong số 694 bị cáo bị áp dụng hình phạt thì có đến 677 bị cáo bị áp dụng HPBS là hình phạt tiền và chỉ có 17 bị cáo bị cấm hành nghề lái xe với thời gian 01 năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

Bảng 2.1 Tình hình giải quyết và số bị cáo bị áp dụng HPBS

STT	Năm	Số vụ án đã xét xử sơ thẩm	Số bị cáo đã bị xét xử sơ thẩm	Số bị cáo bị áp dụng HPBS	Tỷ lệ bị cáo bị áp dụng HPBS trên tổng số bị cáo bị xét xử
1	2014	493	973	188	19,3%
2	2015	492	1034	158	15,3%
3	2016	459	793	84	10,6%
4	2017	556	1141	204	17,9%
5	6 tháng đầu năm 2018	191	369	59	16%
Tổng số		2.191	4.940	694	14%

Nguồn: Số liệu của TAND tỉnh Tuyên Quang

Tình hình áp dụng HPBS của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Tuyên Quang đối với các nhóm tội phạm cụ thể được thể hiện (bảng 2.2) cho thấy trong 14 chương của Phần các tội phạm thì Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Tuyên Quang chỉ áp dụng HPBS đối với các tội phạm được quy định ở 5 chương: chương XVIII các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; Chương XX các tội phạm về ma túy; chương XXI các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; chương XXII các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính; chương XXIII các tội phạm về chức vụ. Trong đó, HPBS chỉ tập trung vào hai loại hình phạt là phạt tiền và cấm hành nghề.

Bảng 2.2. Nhóm các tội được áp dụng HPBS

STT	Các nhóm tội trong BLHS	Số vụ án đã xét xử	Số bị cáo đã xét xử	Số bị cáo bị áp dụng HPBS	Tỷ lệ bị cáo bị áp dụng HPBS trên số bị cáo bị xét xử
1	Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (chương XXI)	395	1742	676	39%
2	Các tội phạm về ma túy (chương XX)	568	628	8	1,3%
3	Các tội phạm về chức vụ (chương XXIII)	3	11	2	18,2%
4	Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính (chương XXII)	7	15	2	13,3%
5	Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (Chương XVIII)	43	104	6	5,8%
Tổng cộng	05 nhóm tội	1.016	2.500	694	27,8%

Nguồn: Số liệu của TAND tỉnh Tuyên Quang

Trên cơ sở phân tích các số liệu của TAND hai cấp tỉnh Tuyên Quang nêu trên cũng như khảo sát thực tế một số bản án thấy rằng, HPBS mà TAND hai cấp tỉnh Tuyên Quang áp dụng đối với các bị cáo đã thể hiện được CSHS của Đảng và Nhà nước là nghiêm trị kết hợp với khoan hồng. Vì thế, đã nêu cao được tính giáo dục, phát huy được mục đích phòng ngừa riêng và phòng ngừa chung của hình phạt, đáp ứng yêu cầu phòng, chống tội phạm ở địa phương.

Theo số liệu thống kê của TAND hai cấp tỉnh Tuyên Quang về số lượng và tỷ lệ bị cáo bị áp dụng HPBS theo từng nhóm tội phạm bị xét xử sơ thẩm từ

năm 2014 đến tháng 6/2018, cho thấy: trong năm nhóm tội được xem xét thì số lượt áp dụng HPBS đối với nhóm các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng chiếm tỷ lệ tương đối cao, sau đó đến các tội xâm phạm về ma túy, các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế và các nhóm tội còn lại.

Thực tiễn xét xử của Tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang trong thời gian vừa qua được thể hiện bởi các số liệu thống kê về thực trạng xét xử và áp dụng HPBS đối với các nhóm tội phạm và đối với các bị cáo. Từ số liệu này có thể đánh giá một cách toàn diện về thực tiễn áp dụng HPBS của Tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang, chỉ ra những mặt tích cực, những tồn tại hạn chế và nguyên nhân dẫn đến sự hạn chế trong việc quyết định áp dụng HPBS của Tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang. Từ đó, đề ra các giải pháp để khắc phục. Điều này được thể hiện ở số liệu cụ thể từ năm 2014 đến tháng 6 năm 2018 như sau:

Bảng 2.3. Loại HPBS được áp dụng

STT	Loại Hình phạt bổ sung	Số bị cáo áp dụng HPBS
1	Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định	17
2	Cấm cư trú	0
3	Quản chế	0
4	Tước một số quyền công dân	0
5	Tịch thu tài sản	0
6	Phạt tiền, khi không áp dụng là HPC;	677
7	Trục xuất, khi không áp dụng là HPC	0
Tổng cộng	07 HPBS	694

Nguồn: Số liệu của TAND tỉnh Tuyên Quang

Qua số liệu thống kê trên cho thấy rằng, từ 2014 đến tháng 6 năm 2018, trong tổng số 2.500 bị cáo bị xét xử chỉ có 694 bị cáo Tòa án áp dụng HPBS. Trong đó HPBS là hình phạt tiền chiếm tỷ lệ cao và có sự chênh lệch khá lớn so với các loại HPBS khác(chiếm 97,5%).

2.2.2. Những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân

2.2.2.1. Hạn chế, thiếu sót

Nghiên cứu thực tiễn áp dụng HPBS của TAND hai cấp tỉnh Tuyên Quang cho thấy, ngoài những kết quả đạt được thì việc áp dụng HPBS vẫn còn một số hạn chế, thiếu sót cụ thể sau đây:

Thứ nhất, tần suất áp dụng HPBS trong thực tiễn vẫn ở mức độ thấp so với yêu cầu của luật thực định và đòi hỏi thực tiễn đấu tranh phòng chống tội phạm.

Thứ hai, HPBS chủ yếu được áp dụng đối với một số nhóm tội như: các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế; các tội phạm về ma túy; các tội phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng; các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính; các tội phạm về chức vụ. Trong đó, hình phạt tiền là HPBS chủ yếu được áp dụng đối với các tội phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng là chủ yếu và tập trung vào tội Đánh bạc và tội tổ chức đánh bạc; các tội phạm về ma túy, trật tự quản lý kinh tế số vụ án chiếm tỷ lệ tương đối lớn và có quy định hình phạt tiền là HPBS nhưng không được áp dụng nhiều như nhóm tội phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, cường độ áp dụng hình phạt tiền là HPBS đối với các nhóm tội này còn thấp, nếu có áp dụng thì thường mức phạt tiền là rất thấp; có nhiều trường hợp không áp dụng hình phạt tiền mà theo văn bản hướng dẫn của Tòa án cấp trên phải áp dụng hình phạt tiền là HPBS để tăng cường tính răn đe như các tội phạm về ma túy, tội tham nhũng ...Điều này cho thấy việc áp dụng phạt tiền bổ sung đã chưa được Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Tuyên Quang quan tâm, chú trọng.

Thứ ba, hình phạt tiền là HPBS được áp dụng rất phổ biến, tiếp đến là hình phạt cấm hành nghề. Ngoài ra, các hình phạt khác không được Tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang quan tâm xem xét để áp dụng.

Thứ tư, do nhận thức không thống nhất dẫn đến việc vận dụng, áp dụng không thống nhất các quy định của HPBS, đặc biệt là hình phạt tiền và hình

phạt cấm hành nghề dẫn đến thực hiện chưa đúng các quy định về điều kiện, nội dung, phạm vi áp dụng HPBS, không đảm bảo nguyên tắc công bằng trong quyết định hình phạt. có những vụ án khác nhau nhưng tính chất, mức độ tương tự như nhau nhưng ở vụ án này lại áp dụng HPBS là phạt tiền hoặc cấm hành nghề lái xe nhưng ở vụ án khác lại không áp dụng mặc dù tính chất mức độ như nhau, thậm chí có trường hợp còn gây hậu quả nghiêm trọng nhưng không được xem xét để áp dụng hoặc có khi ngay trong cùng một vụ án việc áp dụng HPBS là phạt tiền cũng không đảm bảo sự công bằng đối với các bị cáo.

- Ví dụ: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HSST ngày 10/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình tỉnh Tuyên Quang đã áp dụng điều 248 và điều 30, BLHS 1999 tuyên xử các bị cáo: Phạm Văn Công, Hoàng Văn Thơ, Phạm Gia Kính, Nguyễn Văn Hiên, Ma Phúc Tám, Hoàng Văn Lên, Ma Đình Dong, Ma Văn Dọng, Ma Văn Quận, Đặng Văn Đài phạm tội Đánh bạc. Các bị cáo bị áp dụng hình phạt như sau: Phạm Văn Công 01 năm 3 tháng tù, Đặng Văn Đài 01 năm tù, Nguyễn Văn Hiên 01 năm tù, Phạm Gia Kính 10 tháng tù, Hoàng Văn Lên 01 năm 03 tháng tù, Ma Đình Dong 07 tháng tù, Ma Văn Dọng 07 tháng tù, Ma Văn Quận 07 tháng tù, Ma Phúc Tám 09 tháng tù, Hoàng Văn Thơ 10 tháng tù. Các bị cáo này đều bị áp dụng HPBS là phạt tiền với mức phạt tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng).

Từ bản án nêu trên cho thấy các bị cáo bị áp dụng mức phạt tù khác nhau nhưng lại áp dụng chung một mức phạt tiền bổ sung bằng nhau là 1.000.000đ là không thực hiện nguyên tắc cá thể hóa hình phạt tiền đối với từng bị cáo trong vụ án. Mặt khác, một số bị cáo trong vụ án này là hộ nghèo và không có tài sản nhưng lại không được Tòa án xem xét, đánh giá về tình hình tài sản của người phạm tội, sự biến động giá cả trước khi quyết định áp dụng HPBS là hình phạt tiền là thực hiện không đúng quy định tại Điều 30 BLHS năm 1999. Ngoài ra, khoản 3 Điều 248 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu

đồng đến ba mươi triệu đồng” nhưng trong vụ án này các bị cáo đều bị áp dụng mức phạt tiền bổ sung dưới mức quy định tại khoản 3 Điều 248.

Qua trao đổi trực tiếp với Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa giải quyết đối với vụ án này cho rằng: Quy định tại Điều 30 BLHS 1999 cho phép áp dụng mức tối thiểu của HPBS là hình phạt tiền không thấp hơn một triệu đồng và nếu các bị cáo có đủ các điều kiện theo quy định tại Điều 47 BLHS năm 1999 thì được áp dụng ở mức nhẹ hơn khung hình phạt quy định.

Các hiểu như vậy là không đúng quy định của pháp luật dẫn đến việc áp dụng HPBS không đúng. Quy định tại Điều 47 áp dụng hình phạt ở mức thấp nhất của khung hình phạt hoặc loại hình phạt khác nhẹ hơn là quy định nhằm áp dụng đối với HPC, còn HPBS không có khung hình phạt mà chỉ có mức tối thiểu và mức tối đa đối với hình phạt tiền là HPBS và cũng không quy định loại HPBS nào nhẹ hay nặng. Ngoài ra, Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn về việc áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS có quy định không áp dụng Điều 47 quyết định hình phạt nhẹ hơn quy định đối với HPBS.

Hơn nữa về nguyên tắc khi quyết định mức tiền phạt đối với người bị kết án, Tòa án cần phải dựa vào khoản 3 Điều 30 BLHS năm 1999 nay là khoản 3 Điều 35 BLHS năm 2015. Nhưng rất nhiều Tòa án cấp huyện đều không áp dụng quy định này dẫn đến có bản án không đảm bảo thi hành trên thực tế, phải tiến hành những thủ tục pháp lý khác để miễn hoặc giảm khoản tiền phạt.

Bản án nêu trên sau đó đã bị kháng cáo về hình phạt. Tại bản án số 12/2018/HS-PT ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã xem xét đánh giá về tình hình tài sản của người phạm tội nên đã quyết định sửa bản án sơ thẩm nêu trên về hình phạt và không áp dụng HPBS là hình phạt tiền đối với các bị cáo là hộ nghèo, không có thu nhập và tài sản.

- Nhiều bản án Tòa án chỉ căn cứ vào tính chất của tội phạm để quyết định áp dụng hay không áp dụng HPBS là hình phạt tiền là không đúng quy định.

Ví dụ: Tại bản án số 134/2017/HSST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang quyết định tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Tám, Nguyễn Đức Lương, Vũ Văn Việt phạm tội Đánh bạc và quyết định về hình phạt như sau: Bị cáo Nguyễn Văn Tám 07 tháng tù cho hưởng án treo, phạt tiền 3.000.000đ; bị cáo Nguyễn Đức Lương 06 tháng tù cho hưởng án treo, phạt tiền 3.000.000đ; bị cáo Vũ Văn Việt 05 tháng tù cho hưởng án treo, phạt tiền 3.000.000đ. Lý do Tòa án áp dụng HPBS là hình phạt tiền được Tòa án nêu trong phần nhận định của bản án như sau: *“Xét các bị cáo Nguyễn Văn Tám, Nguyễn Đức Lương, Vũ Văn Việt phạm tội nhằm mục đích vụ lợi nên ngoài HPC cần áp dụng thêm HPBS (phạt tiền) đối với các bị cáo theo khoản 3 điều 248 BLHS”*.

Tại bản án số 34/2018/HSST ngày 02/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang đã áp dụng khoản 2 Điều 249 BLHS năm 2015 quyết định tuyên bố bị cáo Phạm Văn Chung phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, xử phạt bị cáo Chung 06 năm tù và không áp dụng HPBS là hình phạt tiền với nhận định: *“Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, không có mục đích vụ lợi nên không cần thiết phải áp dụng HPBS là phạt tiền đối với bị cáo”*.

Hai bản án nêu trên đã đưa ra căn cứ để áp dụng hay không áp dụng HPBS là hình phạt tiền dựa trên hành vi của bị cáo có tính chất vụ lợi hay không vụ lợi mà không dựa vào các quy định tại khoản 3 Điều 30 BLHS năm 1999 và khoản 3 Điều 35 BLHS năm 2015 để xem xét các điều kiện về việc áp dụng HPBS là không đúng quy định và việc nhận định như vậy để áp dụng HPBS là phạt tiền không đúng với mục đích của hình phạt. Bởi lẽ, HPBS nói chung và hình phạt tiền nói riêng không có quy định loại trừ áp dụng đối với người có tính chất vụ lợi hay không áp dụng đối với người không có tính chất

vụ lợi. Việc nhận thức không đầy đủ dẫn đến vận dụng để áp dụng loại HPBS này không đúng quy định của BLHS.

- Có vụ án Tòa án căn cứ vào việc lượng hình của HPC, nghề nghiệp của bị cáo để quyết định việc áp dụng HPBS là cấm hành nghề.

Ví dụ: Tại bản án số 10/2018/HSST ngày 02/02/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Hiếu phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, xử phạt bị cáo Hiếu 2 năm tù cho hưởng án treo và không áp dụng HPBS là cấm hành nghề lái xe trong một thời hạn nhất định vì lý do: *“Do bị cáo được hưởng án treo, nghề nghiệp chính của bị cáo là lái xe, do vậy hội đồng xét xử không áp dụng HPBS là cấm hành nghề theo khoản 5 Điều 260 BLHS sửa đổi bổ sung năm 2017”*. Tuy nhiên, cũng tương tự như trong vụ án này, nhiều bản án của Tòa án này và các Tòa án trong tỉnh vẫn quyết định HPBS là cấm hành nghề lái xe.

Đoạn 2 Điều 41 BLHS năm 2015 quy định về hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định được áp dụng trong *“.....trường hợp người bị kết án được hưởng án treo”*. Như vậy, Tòa án nhận định bị cáo được hưởng án treo và nghề nghiệp chính của bị cáo là lái xe nên không áp dụng HPBS cấm hành nghề là không đúng quy định và không có quy định nào áp dụng HPBS này phụ thuộc vào nghề nghiệp của bị cáo là nghề chính hay nghề phụ như Tòa án đã nhận định.

- Trong các vụ án tham ô tài sản và lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Tuyên Quang không áp dụng HPBS cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo vì trong giai đoạn điều tra hoặc truy tố đã có quyết định đình chỉ công tác của cơ quan tổ chức nơi các bị cáo công tác, làm việc đối với các bị cáo nên khi xem xét trách nhiệm hình sự không áp dụng HPBS này đối với các bị cáo vì việc áp dụng HPBS này không có ý nghĩa trên thực tế.

2.2.2.2. Nguyên nhân

Những hạn chế, thiếu sót nêu trên là do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau, chủ yếu tập trung vào những nguyên nhân sau:

Thứ nhất, do các quy định của pháp luật hình sự

BLHS chưa thực sự hoàn thiện, mặc dù đã có sự đánh giá tổng kết thực tiễn thi hành từ BLHS năm 1999 nhưng các quy định về HPBS cơ bản không thay đổi so với trước. Các quy định về HPBS còn mang tính chất tùy nghi, chưa đảm bảo tính toàn diện, thống nhất, đồng bộ về các mặt trong nội tại các HPBS và giữa các HPBS với HPC cũng như với các chế định khác trong PLHS; Không quy định hoặc quy định không đầy đủ, rõ ràng nội dung, phạm vi, điều kiện áp dụng đối với mỗi loại HPBS, đặc biệt là đối với hình phạt tiền; Có không ít trường hợp, khi quy định HPBS đối với từng tội phạm cụ thể trong Phần các tội phạm của BLHS không đảm bảo sự tương xứng giữa tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của tội phạm và mức độ nghiêm khắc của chế tài, cũng như sự tương xứng và hợp lý giữa HPBS và HPC là nguyên nhân gây ra những khó khăn, vướng mắc, lúng túng, không thống nhất trong hoạt động xét xử của tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang.

Thứ hai, từ công tác giải thích, hướng dẫn áp dụng HPBS

Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan tổng kết thực tiễn xét xử của Tòa án và đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử. Nhưng kể từ khi thi hành BLHS năm 1999 và hiện nay thi hành BLHS năm 2015 thì vẫn chưa có một Nghị quyết nào hướng dẫn về việc áp dụng HPBS, chỉ duy nhất có Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán TANDTC ngày 04/8/2000 hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS 1999, trong đó có hướng dẫn nội dung liên quan đến hình phạt quản chế. Ngoài ra, không có văn bản nào hướng dẫn áp dụng các HPBS. Đây cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả của HPBS trên thực tế.

Trong các báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm của của Tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang từ năm 2014 đến 06 tháng đầu năm 2018 thường chỉ nêu ra

các số liệu về HPBS được áp dụng nhưng không có sự đánh giá về tăng giảm so với năm trước và cũng không có đánh giá, nhận xét để chỉ ra những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục đối với chuyên đề về áp dụng hình phạt bổ sung này.

Thứ ba, công tác thanh tra, kiểm tra, giám đốc xét xử các vụ án

Công tác kiểm tra nghiệp vụ và kháng nghị, xét xử giám đốc thẩm trong thời gian qua cũng còn một số hạn chế, tồn tại. Một số lãnh đạo Tòa án chưa thực sự quan tâm làm tốt công tác tự kiểm tra; việc kiểm tra công tác nghiệp vụ của Tòa án cấp trên với Tòa án cấp dưới cũng chưa thực sự thường xuyên. Có nơi thực hiện kiểm tra mang tính qua loa, hình thức; kết thúc kiểm tra nhưng không chỉ ra cho đối tượng kiểm tra những điểm cần rút kinh nghiệm. Kế hoạch kiểm tra chưa thực sự khoa học, nên có tình trạng có đơn vị trong một thời gian ngắn nhưng phải kiểm tra nhiều lần, ảnh hưởng đến việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của đơn vị; Chưa theo dõi quá trình khắc phục các hạn chế, tồn tại sau kiểm tra. Việc kháng nghị trong một số trường hợp còn thiếu căn cứ, thiếu tính thuyết phục. Việc xét xử giám đốc thẩm trong một số trường hợp không định hướng đường lối cho vòng tố tụng tiếp theo...

Thứ tư, từ chủ thể áp dụng pháp luật

Tinh thần trách nhiệm, ý thức pháp luật của một số cán bộ, Thẩm phán còn chưa đáp ứng, phong cách làm việc chậm đổi mới; không chịu rèn luyện, một số Thẩm phán còn hạn chế về trình độ chuyên môn, lý luận chính trị, kiến thức pháp luật chưa được cập nhật thường xuyên.. tinh thần phục vụ nhân dân chưa cao; làm ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động xét xử nói chung và hoạt động áp dụng hình phạt nói riêng, dẫn đến một số bản án khó khăn trong việc thi hành án.

Sự thiếu hụt đội ngũ Thẩm phán xét xử trong tình hình tội phạm diễn biến phức tạp, có chiều hướng tăng mạnh, trong khi thẩm quyền, công việc của Tòa án ngày càng tăng cả về số lượng cũng như yêu cầu. Thực tế này cùng với tình trạng thiếu Thẩm phán xét xử làm cho công việc của Tòa án các

cấp nói chung và Tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang nói riêng ngày càng quá tải, áp lực công việc ngày càng tăng.

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kiến thức pháp luật của Hội thẩm nhân dân một số nơi chưa đáp ứng được với yêu cầu. Đây cũng là lý do ảnh hưởng đến chất lượng của công tác xét xử và quyết định hình phạt nói chung và HPBS nói riêng. Thực tiễn công tác xét xử của các Tòa án hiện nay cho thấy không ít Hội thẩm chưa phát huy hết khả năng, trách nhiệm của mình. Theo quy định, người được bầu làm Hội thẩm chỉ cần có kiến thức pháp luật mà không quy định tiêu chuẩn tối thiểu. Vì vậy, không ít Hội thẩm kiến thức pháp luật hạn chế nhưng lại cùng tham gia xét xử với những Thẩm phán có trình độ, được đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên về kiến thức pháp luật và kỹ năng xét xử nên không tránh khỏi việc các Hội thẩm mang tâm lý “ngồi cho có, cho đủ”. Nhiều Hội thẩm do không chuẩn bị thời gian nên không nghiên cứu kỹ hồ sơ, xem xét các tình tiết vụ án, do vậy khi tham gia xét xử phụ thuộc vào ý kiến của Thẩm phán. Không thiếu những vị Hội thẩm hạn chế về kỹ năng xét hỏi, kinh nghiệm sống nên đã không xét hỏi được bị cáo, đương sự, người bị hại, không biết cách đặt câu hỏi để làm sáng tỏ tình tiết vụ án.

Sự phối hợp giữa các cơ quan tố tụng, đặc biệt giữa Tòa án và Viện kiểm sát, còn chưa chặt chẽ, chưa thống nhất. Vì vậy, công tác xét xử và rút kinh nghiệm đối với hoạt động xét xử nói chung và việc áp dụng hình phạt bổ sung nói riêng chưa được quan tâm để rút kinh nghiệm những tồn tại, hạn chế.

Tiểu kết chương

Nhìn chung, chế định HPBS trong BLHS năm 2015 đã có sự kế thừa và hoàn thiện một bước so với các quy định trước đây, thể hiện ở các mặt như: Đã có sự đa dạng hóa các loại HPBS với sự xuất hiện pháp nhân thương mại phạm tội; nội dung, phạm vi, điều kiện áp dụng cũng như về kỹ thuật lập pháp đối với các quy định về từng loại HPBS đã được sửa đổi, bổ

sung và hoàn thiện một cách đáng kể; mức độ sử dụng HPBS trong Phần các tội phạm của BLHS năm 2015 đã có sự điều chỉnh tương đối hợp lý, nhất là hình phạt tiền. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: BLHS năm 2015 cũng chưa đưa ra được một khái niệm pháp lý đầy đủ về HPBS, đồng thời cũng chưa quy định một cách đầy đủ, rõ ràng về nội dung, phạm vi và điều kiện áp dụng đối với từng HPBS; vẫn còn những mâu thuẫn, không đồng bộ, thiếu khả thi đối với từng HPBS.

Luận văn tập trung đánh giá tình hình áp dụng HPBS của Tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang trong thời gian từ năm 2014 đến tháng 6 năm 2018. Chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, thiếu sót và nguyên nhân. Kết quả nghiên cứu ở chương này là cơ sở pháp lý và cơ sở thực tế để tác giả xây dựng giải pháp hoàn thiện pháp luật về HPBS đồng thời nâng cao hiệu quả áp dụng HPBS được đề cập tại chương 3.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG HÌNH PHẠT BỔ SUNG

3.1. Giải pháp hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam về hình phạt bổ sung.

3.1.1. Nhu cầu và tính cấp thiết của việc hoàn thiện chế định hình phạt bổ sung

PLHS nói chung, các quy định về HPBS nói riêng, chịu sự tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan khác nhau. Để hoàn thiện các quy định về HPBS đáp ứng được các yêu cầu khách quan nói trên, cần phải dựa trên những quan điểm chỉ đạo cơ bản sau:

- Đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế của Việt Nam;
- Đáp ứng yêu cầu xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam.

Những yêu cầu hoàn thiện các quy định về HPBS nhằm đáp ứng những đòi hỏi của nhà nước pháp quyền và công cuộc cải cách tư pháp ở Việt Nam hiện nay là:

Thứ nhất, hoàn thiện các quy định về HPBS phải được đặt trong tổng thể chiến lược kinh tế-xã hội, công cuộc cải cách tư pháp, cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam;

Thứ hai, hoàn thiện các quy định về HPBS phải được xây dựng trên nền tảng của các nguyên tắc pháp lý tiên bộ của nhân loại, như bình đẳng, công bằng, nhân đạo, dân chủ và pháp chế;

Thứ ba, hoàn thiện các quy định về HPBS phải đề cao vai trò của pháp luật, tuân thủ pháp luật trong đời sống xã hội;

Thứ tư, hoàn thiện các quy định về HPBS để đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong giai đoạn hiện nay đang diễn ra hết sức phức tạp và có xu hướng phát triển.

Thứ năm, hoàn thiện các quy định về HPBS phải bảo đảm nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ các quyền tự do và dân chủ của con người, chủ quyền của nhân dân.

Nhu cầu hoàn thiện các quy định về HPBS cũng bắt nguồn từ chính những tồn tại, hạn chế, khiếm khuyết nhất định của các quy định này trong PLHS nước ta. Thực tiễn thời gian qua, PLHS với tính chất là ngành luật chủ yếu nhất trong hệ thống pháp luật về đấu tranh chống tội phạm vẫn còn tồn tại một số nhược điểm nhất định. BLHS năm 1999 đã bộc lộ hạn chế, bất cập, gây khó khăn cho việc áp dụng các quy định của PLHS, một số quy định của HPBS chưa có quy định cụ thể, rõ ràng, đồng bộ, chưa có hướng dẫn thi hành cụ thể nên việc áp dụng có nơi chưa thống nhất, những vấn đề này đã được tổng kết đánh giá thông qua việc hoàn thiện các quy định của BLHS năm 2015. Mặc dù đã có nhiều thay đổi tích nhưng vẫn còn những tồn tại, hạn chế và bất cập, gây ra những vướng mắc, lung túng, không thống nhất trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân các cấp, vì vậy việc hoàn thiện các chế định về HPBS nhằm khắc phục các khuyết điểm đó và đồng thời cũng là nhằm mục đích hiện đại hóa bản thân công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm và vì hiệu quả của cuộc đấu tranh đó.

3.1.2. Những quan điểm cơ bản của việc hoàn thiện chế định hình phạt bổ sung trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay

Việc hoàn thiện các quy định về HPBS trong PLHS Việt Nam hiện nay là một tất yếu khách quan. Tuy nhiên, để hoàn thiện các quy định về HPBS đáp ứng được các yêu cầu khách quan nói trên, cần phải dựa trên những quan điểm chỉ đạo nhất định sau:

** Quán triệt các đường lối, CSHS của Đảng và Nhà nước*

Ở nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn quan tâm đến việc lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân. Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và toàn bộ các hoạt động của xã hội bằng cương lĩnh,

đường lối, chủ trương, chính sách lớn để từ đó Nhà nước thể chế hóa thành pháp luật, chủ trương chính sách của Nhà nước. Trong lĩnh vực đấu tranh phòng chống tội phạm, Đảng lãnh đạo bằng việc xác định rõ đường lối, CSHS trong đấu tranh phòng chống tội phạm.

Chính sách hình sự là chính sách của nhà nước, của Đảng cầm quyền để tổ chức cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, là linh hồn chính trị của đời sống pháp luật hình sự trong một đất nước. Chính sách hình sự là cơ sở tư tưởng và lý luận cho việc xây dựng, tuyên truyền, giáo dục và tổ chức thực hiện pháp luật trên lĩnh vực đấu tranh với tội phạm hình sự [15, tr. 26].

Trong quá trình đổi mới, hoàn thiện PLHS nói chung và chế định HPBS nói riêng cần phải được nghiên cứu, nhận thức, quán triệt sâu sắc hệ thống các quan điểm của Đảng về đấu tranh phòng chống tội phạm, để quá trình này đi đúng hướng và phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của Việt Nam. Các quan điểm đó được thể hiện tập trung trong các văn kiện Nghị quyết của Đảng và là định hướng quan trọng nhất của toàn bộ hoạt động hoàn thiện những quy định của HPBS trong PLHS.

** Phải đảm bảo tính toàn diện, thống nhất, đồng bộ và khả thi của HPBS trong PLHS.*

Thứ nhất, tính toàn diện, thống nhất, đồng bộ về các mặt trong nội tại hệ thống HPBS và giữa hệ thống HPBS với hệ thống HPC và các chế định khác trong PLHS. Các quy định về HPBS phải được sửa đổi, bổ sung ở tất cả các mặt có liên quan, cụ thể: Mỗi loại HPBS phải được quy định cụ thể, chính xác về nội dung, phạm vi và điều kiện áp dụng, cũng như giới hạn mức tối thiểu và tối đa của nó.

Thứ hai, hoàn thiện những quy định của PLHS về HPBS phải phù hợp với các quy định của Hiến pháp 2013, đồng thời đảm bảo tính thống nhất và đồng bộ với các các đạo luật có liên quan trong hệ thống pháp luật nước ta.

Thứ ba, việc hoàn thiện HPBS phải được tiến hành trên cơ sở đánh giá, tổng kết thực tiễn áp dụng BLHS, có sự kế thừa và phát triển.

Thứ tư, hoàn thiện HPBS phải phù hợp và phản ánh được những yêu cầu, đòi hỏi của sự phát triển kinh tế-xã hội ở nước ta.

** Bảo đảm sự phân hóa trách nhiệm hình sự và cá thể hóa hình phạt*

Hoàn thiện các quy định về HPBS cần bảo đảm thực hiện việc phân hóa TNHS và hình phạt, nó được thể hiện ở những khía cạnh sau:

Việc hoàn thiện chế định HPBS phải bảo đảm làm sao xây dựng được khung chế tài bổ sung xác định tương đối hoặc tùy nghi phù hợp, tức là xác định được chính xác giới hạn tối thiểu và tối đa cũng như các loại HPBS trong chế tài tùy nghi lựa chọn đối với từng loại tội phạm cụ thể trong Phần các tội phạm BLHS, để đảm bảo thực hiện được nguyên tắc cá thể hóa TNHS, đồng thời cũng đảm bảo được nguyên tắc pháp chế và công bằng trong quyết định HPBS. Tránh tình trạng, trong một số chế tài bổ sung của nhiều tội phạm cụ thể trong Phần các tội phạm của BLHS năm 1999 có những nhược điểm như: Mức tối thiểu và tối đa của hình phạt tiền bổ sung được quy định là quá rộng; Đối với các HPBS khác như cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công thì lại quá hẹp (đều quy định từ một năm đến năm năm), không có sự phân hóa TNHS; Việc quy định các loại HPBS đối với một số tội phạm cụ thể hoặc là quá nhiều hoặc là quá ít.

Nếu chế tài quy định mức xác định tương đối quá rộng và khả năng lựa chọn nhiều HPBS có ưu điểm tạo điều kiện, khả năng lớn cho tòa án cân nhắc các tình huống cụ thể để lựa chọn mức và loại hình phạt cụ thể áp dụng với những trường hợp cụ thể, nhưng nó cũng tạo ra nhiều khả năng cho sự chủ quan tùy tiện trong áp dụng. Việc hoàn thiện chế định HPBS phải bảo đảm làm sao xây dựng được khung chế tài bổ sung xác định tương đối hoặc tùy nghi phù hợp, tức là xác định được chính xác giới hạn tối thiểu và tối đa cũng như các loại HPBS trong chế tài tùy nghi lựa chọn đối với từng loại tội phạm

cụ thể trong Phần các tội phạm BLHS, để đảm bảo thực hiện được nguyên tắc cá thể hóa TNHS, đồng thời cũng đảm bảo được nguyên tắc pháp chế và công bằng trong quyết định HPBS.

** Bảo đảm tính kế thừa và tiếp thu kinh nghiệm lập pháp hình sự nước ngoài*

Bảo đảm tính kế thừa có chọn lọc kinh nghiệm lập pháp hình sự của nước ta trong việc tiếp tục hoàn thiện PLHS nói chung và chế định HPBS nói riêng là một nguyên tắc có tính định hướng quan trọng.

PLHS nói chung và chế định hình phạt nói riêng được đặt ra để bảo vệ lợi ích sống còn của xã hội, lợi ích của giai cấp thống trị và trật tự xã hội có lợi cho giai cấp đó, cho nên chỉ có thể kế thừa những gì tiến bộ, những gì là của dân tộc, những gì phản ánh và phù hợp với lợi ích phổ biến chung. Việc tội phạm hóa (hoặc phi tội phạm hóa), hình sự hóa (hoặc phi hình sự hóa)- những nội dung quan trọng của CSHS của Nhà nước ta cần phải được kết hợp một cách hài hòa với các giá trị pháp lý truyền thống của dân tộc- các di sản pháp lý tốt mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta.

Ngoài ra, cũng như việc xây dựng và hoàn thiện HTPL nói chung, việc hoàn thiện PLHS trong đó có các quy định về HPBS cũng cần phải tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của nước ngoài.

Nghiên cứu so sánh PLHS là cơ sở cho việc thực hiện nguyên tắc này. Nhiều nước có những giải pháp và mô hình lập pháp hình sự về HPBS đã được áp dụng thành công và bản thân chúng ta cũng đang thực hiện, nhưng có những vấn đề đối với chúng ta còn mới mẻ, do đó cần phải nghiên cứu để tiếp thu, bổ sung cho PLHS Việt Nam.

3.1.3. Những giải pháp hoàn thiện chế định hình phạt bổ sung trong pháp luật hình sự Việt Nam

Trên cơ sở lý luận, thực tiễn áp dụng HPBS và xác định nhu cầu cũng như những quan điểm cơ bản về việc hoàn thiện pháp luật thực định liên quan đến các quy định HPBS nêu trên, tác giả đề xuất các giải pháp khắc phục

những tồn tại, hạn chế trong BLHS quy định về HPBS nhằm hoàn thiện các quy định này.

3.1.3.1. Giải pháp chung

Thứ nhất, về hình phạt, Điều 30 BLHS năm 2015 đưa ra khái niệm pháp lý chung về hình phạt, đó là một sự tiến bộ về mặt lập pháp, nhưng khái niệm này chưa có tính khái quát cao và chưa thật sự chính xác ở việc sử dụng thuật ngữ "biện pháp cưỡng chế *ngghiêm khắc nhất*" là không thật sự chuẩn xác. Theo tác giả, thuật ngữ này chỉ đúng với HPC, còn không đúng với tính chất của loại HPBS, vì vậy khái niệm về hình phạt nói chung nên sử dụng thuật ngữ "biện pháp cưỡng chế *ngghiêm khắc*" là phù hợp hơn. Với quan điểm như vậy, tác giả đề nghị sửa đổi khái niệm pháp lý về hình phạt trong Điều 30 BLHS năm 2015 theo hướng phân tích nêu trên cho phù hợp hơn.

Thứ hai, về mục đích của hình phạt. Điều 31 BLHS năm 2015 quy định hình phạt có mục đích "trừng trị". Tuy nhiên, quy định như vậy đồng nhất giữa mục đích của HPC với HPBS, trong khi HPBS chỉ là bổ sung, thêm cho HPC mà phải đáp ứng mục đích "trừng trị" là không đúng. Vì vậy, theo tác giả nên quy định rõ hơn đối với mục đích của HPBS chỉ có tính chất giáo dục và cải tạo và đề nghị sửa lại theo hướng đã phân tích cho phù hợp với các HPBS.

Thứ ba, HPBS cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân đều quy định áp dụng đối với người bị kết án phạt tù nhưng do không quy định rõ ràng nên gây nhiều cách hiểu khác nhau là hình phạt này được áp dụng với người bị phạt tù có thời hạn và cả đối với người bị phạt tù chung thân. Vấn đề này tác giả cho rằng cần quy định rõ việc áp dụng hình phạt này chỉ áp dụng đối với người phạm tội bị kết án phạt tù có thời hạn. Vì vậy, tác giả đề nghị sửa đổi theo hướng nêu trên để việc áp dụng loại hình phạt bổ sung này được thuận lợi và đảm bảo việc thống nhất trong hoạt động xét xử.

3.1.3.2. Giải pháp hoàn thiện chế định hình phạt bổ sung đối với một số loại hình phạt cụ thể.

Thực tiễn thi hành BLHS năm 1999 trong nhiều năm qua đối với HPBS là thực hiện áp dụng đối với người phạm tội, BLHS năm 2015 mới bổ sung thêm TNHS của pháp nhân thương mại phạm tội. Tuy nhiên, BLHS năm 2015 mới được thi hành từ ngày 01/01/2018, đồng thời thực tiễn thi hành chưa có trường hợp nào xem xét TNHS của pháp nhân thương mại phạm tội nên chưa có tổng kết thực tiễn để đưa ra giải pháp hoàn thiện chế định HPBS đối với pháp nhân thương mại phạm tội. Ngoài ra, thực tiễn thi hành HPBS đối với người phạm tội của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Tuyên Quang chủ yếu là áp dụng hình phạt tiền và hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định. Vì vậy, trong nội dung này tác giả chỉ đưa ra các giải pháp hoàn thiện chế định HPBS đối với người phạm tội về hình phạt tiền và hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định:

- Hình phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

Theo Điều 41 BLHS năm 2015, thì loại HPBS này có thể được áp dụng kèm theo cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, tù có thời hạn. Theo chúng tôi, phạm vi áp dụng hình phạt này được quy định như vậy là quá rộng và không phù hợp cả về lý luận lẫn thực tiễn áp dụng. Thực chất, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định là một hình phạt, có thể nói, có tính trừng trị nghiêm khắc hơn nhiều so với cảnh cáo, phạt tiền. Vì vậy, quy định hình phạt này bổ sung và hỗ trợ cho những HPC trên rõ ràng là không tương xứng. Hơn nữa thực tiễn xét xử của tòa án các cấp cho thấy HPBS này thường được áp dụng kèm theo hình phạt tù có thời hạn hoặc trường hợp bị cáo bị kết án tù nhưng được hưởng án treo. Vì vậy, tác giả đề nghị sửa đổi, bổ

sung Điều 41 BLHS năm 2015 về điều kiện, nội dung, phạm vi và thời hạn của HPBS này theo hướng phân tích nêu trên.

- Hình phạt tiền với tính chất là HPBS

Cần sửa đổi quy định Điều 35 BLHS năm 2015 về hình phạt tiền, trong đó quy định rõ phạt tiền là HPBS được áp dụng kèm theo những HPC nào, bao gồm từ cảnh cáo đến tử hình được quy định trong BLHS. Theo tác giả cần quy định rõ hình phạt tiền bổ sung chỉ được áp dụng kèm theo hình phạt tước tự do (tù có thời hạn, tù chung thân, tử hình).

BLHS hiện hành chưa có sự phân biệt rạch ròi giữa phạt tiền với tư cách HPC và phạt tiền với tư cách HPBS về tiền phạt. Mà chỉ quy định mức tối thiểu của hình phạt tiền được quy định là 01 triệu đồng, không phân biệt HPC với HPBS và cũng chưa quy định cụ thể mức phạt tối đa của phạt tiền với tư cách HPC và HPBS. Quy định như vậy là chưa hợp lý nên cần sửa đổi theo hướng mức tối thiểu của hình phạt tiền với tính chất là HPC phải được quy định cao hơn so với mức tối thiểu của hình phạt tiền bổ sung.

Cần xây dựng một số cấu thành tội phạm trong đó phạt tiền với tư cách HPBS là chế tài bắt buộc nhằm mở rộng phạm vi áp dụng hình phạt tiền. Thực tiễn xét xử các loại tội phạm về ma túy, tham nhũng và kinh tế rất nhiều nhưng mức độ Tòa án áp dụng HPBS là phạt tiền đối với các nhóm tội này rất hạn chế, do vậy cần quy định là chế tài áp dụng bắt buộc đối với các nhóm tội này tránh sự áp dụng một cách tùy tiện của một số Tòa án.

3.2. Các giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng hình phạt bổ sung

3.2.1. Tăng cường công tác giải thích pháp luật, hướng dẫn áp dụng pháp luật

Trong thời gian vừa qua, mặc dù có nhiều quy định của BLHS còn có những cách hiểu khác nhau dẫn đến có những vướng mắc trong thực tiễn xét xử nhưng lại không có sự giải thích chính thức của UBTVQH, không có hướng dẫn hoặc nếu có hướng dẫn của TANDTC và Hội đồng Thẩm phán

TANDTC thì lại chậm, chưa kịp thời, phần nào ảnh hưởng tới chất lượng giải quyết, xét xử các loại án của các Tòa án các cấp nói chung và Tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang nói riêng.

Nghiên cứu thực tiễn pháp luật và thực tiễn áp dụng pháp luật của các Tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang, tác giả nhận thấy còn có những vướng mắc, cách hiểu khác nhau liên quan đến chế định HPBS cần phải có sự giải thích và hướng dẫn áp dụng thống nhất của các cơ quan có thẩm quyền, đó là:

Thứ nhất, Nghị quyết số 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định trong Phần chung của BLHS năm 1999 quy định: "Chỉ trong trường hợp mà Điều 92 hoặc điều luật quy định về tội phạm và hình phạt của BLHS năm 1999 có quy định HPBS là quản chế, thì mới được áp dụng loại HPBS này". Hướng dẫn này không đề cập đến các HPBS khác mà chỉ quy định hướng dẫn đối với hình phạt quản chế, còn. Đây cũng là một trong những lý do dẫn đến việc áp dụng các loại HPBS khác trong nhiều trường hợp không đúng, không thống nhất. BLHS năm 2015 hiện nay vẫn chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng HPBS nên các tỉnh thành, chủ trương hướng dẫn trong Nghị quyết 01/2000/NQ-HĐTP ngày 4/8/2000 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC vẫn được vận dụng để áp dụng phù hợp với quy định BLHS năm 2015.

Thứ hai, việc áp dụng HPBS như tước một số quyền công dân; cấm cư trú; quản chế; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; kèm theo HPC là tù chung thân hoặc tử hình. Vấn đề này vẫn còn nhiều quan điểm khác nhau trong thực tiễn thi hành nhưng theo tác giả, trong khi BLHS chưa có sự điều chỉnh chính thức về vấn đề này, thì việc áp dụng hay không áp dụng các loại HPBS trên kèm theo hình phạt tù chung thân hoặc tử hình cần có giải thích và hướng dẫn của TANDTC.

Trong thực tiễn xét xử có không ít trường hợp tòa án các cấp nói chung và Tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang đã không áp dụng HPBS bắt buộc đối

với người bị kết án, có thể xuất phát từ lý do sau: 1) Tòa án cố tình không áp dụng, mặc dù các tình tiết của vụ án cho thấy việc áp dụng HPBS là cần thiết để ngăn ngừa người bị kết án tái phạm tội mới; 2) Khi quyết định hình phạt, trên cơ sở cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS; các đặc điểm nhân thân của người bị kết án và yêu cầu phòng ngừa tội phạm tòa án cho rằng không nhất thiết phải áp dụng HPBS, nhưng không biết xử lý bằng cách nào nên đã cố tình bỏ qua không áp dụng HPBS bắt buộc đối với người bị kết án.

3.2.2. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra nghiệp vụ, giám đốc việc xét xử về áp dụng HPBS của Tòa án các cấp

Theo Điều 104 Hiến pháp năm 2013 và được cụ thể hóa tại Điều 27 BLTTHS năm 2015, TANDTC giám đốc việc xét xử của các tòa án trong cả nước để đảm bảo việc áp dụng pháp luật trong công tác xét xử được nghiêm chỉnh và thống nhất. Các hoạt động này nhằm rút kinh nghiệm hoặc kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng có sai lầm nghiêm trọng, trong đó có việc áp dụng hình phạt bổ sung, qua đó nâng cao chất lượng công tác xét xử.

Nghiên cứu cho thấy, nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế trong thực tiễn áp dụng HPBS một phần là do công tác giám đốc, kiểm tra, thanh tra hoạt động xét xử của TANDTC cũng như các tòa án cấp trên làm chưa tốt. Trong thời gian qua, TANDTC đã tổ chức lại hệ thống các đơn vị thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra trong toàn hệ thống; xây dựng Quy chế kiểm tra trong TAND (ban hành kèm theo Quyết định số 346a/2017/QĐ-TANDTC của Chánh án TANDTC); đã tổ chức nhiều đoàn kiểm tra công tác nghiệp vụ của các Tòa án; tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm về công tác kháng nghị và xét xử giám đốc thẩm của các TAND cấp cao.

Trong thời gian tới, TANDTC cần tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra nghiệp vụ của các Tòa án. Ngoài hoạt động kiểm tra theo chuyên đề, định kỳ 1 năm phải tổ chức ít nhất 2 đợt kiểm tra chung đối với công tác xét xử của tòa án.

Tăng cường công tác cán bộ cho các bộ phận thực hiện chức năng thanh tra, kiểm tra nghiệp vụ, kết hợp giữa kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất.

Đối với Tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang có trách nhiệm giám sát chất lượng hoạt động chuyên môn của các TAND cấp huyện thuộc quyền quản lý thông qua thực hiện công tác kiểm tra nghiệp vụ nhằm phát hiện các sai sót để rút kinh nghiệm chung hoặc đề xuất kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm khi phát hiện có sai lầm nghiêm trọng hoặc tình tiết mới, đặc biệt chú trọng việc áp dụng hình phạt bổ sung.

Kết thúc mỗi đợt kiểm tra, các đoàn kiểm tra phải tổ chức buổi rút kinh nghiệm chung đối với đối tượng kiểm tra, phải chỉ ra những hạn chế, thiếu sót cần rút kinh nghiệm; đề xuất với cấp có thẩm quyền xem xét xử lý đối với những trường hợp có sai lầm nghiêm trọng; yêu cầu đối tượng kiểm tra báo cáo kết quả khắc phục các hạn chế, thiếu sót sau một thời gian nhất định.

Ban Thanh tra Toà án nhân dân tối cao, thủ trưởng các đơn vị thuộc Toà án nhân dân tối cao, Chánh án các Toà án nhân dân cấp cao, Chánh án các Toà án nhân dân cấp tỉnh và cấp huyện căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao cần tăng cường thanh tra, kiểm tra nghiệp vụ; phát hiện sớm và khắc phục, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm pháp luật, vi phạm quy chế nghiệp vụ trong hoạt động của Toà án nói chung và trong quá trình giải quyết, xét xử các vụ án nói riêng theo đúng Quy định về xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Toà án nhân dân được ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-TANDTC ngày 19/6/2017 của Chánh án Toà án nhân dân tối cao.

Bảo đảm hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, của nhân dân đối với hoạt động tổ tụng của Toà án trong quá trình giải quyết, xét xử các loại vụ án. Thực hiện Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật tư pháp mới được Quốc hội thông qua; theo đó, thẩm quyền của Tòa án được mở rộng, quyền của các chức danh tư pháp được nâng lên, nhưng đòi hỏi phải nâng cao năng lực, trình độ và bản lĩnh của người Thẩm phán, yêu cầu phải tăng cường công tác kiểm tra, giám sát theo nguyên lý quyền lực Nhà nước phải có sự kiểm soát. Việc

công khai các bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật trên Cổng thông tin điện tử mà hệ thống Tòa án vừa tiến hành là một trong những cơ chế hữu hiệu để các tầng lớp nhân dân tham gia vào quá trình giám sát đối với hoạt động xét xử của Tòa án, góp phần nâng cao chất lượng xét xử, tăng cường trách nhiệm và kỷ luật của Thẩm phán theo tinh thần “Trách nhiệm, kỷ cương, chất lượng, vì công lý”. Vì vậy, lãnh đạo Tòa án nhân dân các cấp tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chuyên môn của Tòa án nhân dân tối cao để bảo đảm hoạt động công bố bản án, quyết định trên Cổng thông tin điện tử Tòa án được thực hiện theo đúng các quy định tại Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

3.2.3. Nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm xét xử, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án.

Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02 tháng 6 năm 2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị) thì việc xây dựng đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp trong sạch, vững mạnh theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý, nâng cao và cụ thể hoá tiêu chuẩn về chính trị, phẩm chất, đạo đức, chuyên môn nghiệp vụ và kinh nghiệm, kiến thức xã hội đối với từng loại cán bộ được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng của công cuộc cải cách tư pháp ở nước ta. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, phẩm chất chính trị của đội ngũ cán bộ có chức danh tư pháp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội, thì việc nâng cao chất lượng đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực tư pháp là hết sức cần thiết và bức bách. Chính vì vậy, Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đã đề ra chủ trương và giải pháp: “Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo cử nhân luật, đào tạo cán bộ nguồn của các chức danh tư pháp, bổ trợ tư pháp; bồi dưỡng cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp theo hướng cập nhật các kiến thức mới về chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội,

có kỹ năng nghề nghiệp và kiến thức thực tiễn, có phẩm chất, đạo đức trong sạch, dũng cảm đấu tranh vì công lý, bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa... Có cơ chế thu hút, tuyển chọn những người có tâm huyết, đủ đức, tài vào làm việc ở các cơ quan tư pháp. Mở rộng nguồn để bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp... Nghiên cứu thực hiện cơ chế thi tuyển để chọn người bổ nhiệm vào các chức danh tư pháp...”

Thực tế cho thấy hiện nay, đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án, trong đó có chức danh Thẩm phán còn thiếu về số lượng so với yêu cầu của công tác xét xử; trình độ nghiệp vụ và bản lĩnh chính trị của một bộ phận cán bộ, Thẩm phán còn yếu dẫn đến chất lượng công tác xét xử vẫn còn những hạn chế, bất cập, chưa thực sự đáp ứng được đầy đủ yêu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của xã hội, mặc dù trong những năm qua ngành Tòa án nhân dân đã nỗ lực, cố gắng đề ra và tập trung thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng các mặt công tác của ngành. Qua xem xét, phân tích, đánh giá thực tiễn công tác xây dựng lực lượng cán bộ Tòa án cho thấy có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng nêu trên, trong đó có việc đào tạo kiến thức pháp luật ở bậc đại học chưa tốt; công tác đào tạo nghiệp vụ, kỹ năng xét xử và chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức Tòa án, đặc biệt là đối với Thẩm phán chưa đạt yêu cầu; việc tự phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện và học tập, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ và Thẩm phán chưa trở thành ý thức phổ biến; công tác đào tạo lại nhằm đáp ứng yêu cầu của tình hình mới chưa được thực hiện thường xuyên, liên tục, bài bản và có mục tiêu rõ ràng; việc đào tạo sau đại học để có được đội ngũ chuyên gia giỏi cũng đang gặp nhiều khó khăn.

Với tư tưởng xuyên suốt là xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án theo hướng toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất, năng lực thực tiễn trên nguyên tắc coi trọng cả “đức” và “tài”, “đức” là gốc; yêu cầu đặt ra là chất lượng cán bộ, Thẩm phán phải trên cơ sở thống nhất tiêu chuẩn về phẩm chất và năng lực, phải vững vàng về bản lĩnh chính trị và giỏi về nghiệp vụ nhằm thực hiện tốt nhất

nhệm vụ xét xử, bảo vệ công lý, quyền con người. Với những quan điểm đó thì cần tiến hành những giải pháp sau:

Một là, sắp xếp lại bộ máy tổ chức theo hướng chuyên sâu (theo loại án, lĩnh vực); rà soát đánh giá lại đội ngũ cán bộ, Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng bố trí sử dụng phù hợp với năng lực, sở trường. Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ, cần lựa chọn phân loại để đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm hoặc tự tổ chức đào tạo tại cơ quan, đơn vị, rà soát điều chuyển cán bộ hợp lý giữa các khâu công tác, giữa các đơn vị tùy theo khối lượng công việc để khắc phục tình hình khó khăn trong giai đoạn hiện nay.

Thứ hai, xây dựng cơ chế tạo nguồn, tuyển chọn, sử dụng cán bộ, Thẩm phán trên cơ sở tiêu chuẩn của từng chức danh gắn với vị trí việc làm của từng đơn vị, Tòa án. Có chính sách đặc thù, ưu tiên cho các Tòa án địa phương vùng sâu, vùng xa khó thu hút nguồn nhân lực có chất lượng trong công tác tuyển dụng và đào tạo (mở rộng hình thức cử tuyển, tăng cường việc đào tạo tập trung...).

Thứ ba, xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng theo từng giai đoạn và kế hoạch đào tạo bồi dưỡng hàng năm trên cơ sở rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ, Thẩm phán và các nhiệm vụ trong từng thời kỳ. Chú trọng việc đào tạo chuyên sâu sau đại học để xây dựng đội ngũ cán bộ, Thẩm phán giỏi trên từng lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Phối hợp, liên kết với các trường đại học, trung tâm đào tạo khác cùng chuyên ngành để đa dạng hoá loại hình đào tạo, bồi dưỡng. Tăng cường công tác đào tạo, tự đào tạo qua hoạt động thực tiễn; như: qua các phiên tòa rút kinh nghiệm...

Thứ tư, tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án. Trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ, Thẩm phán, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, phẩm chất đạo đức, bản lĩnh nghề nghiệp cho đội ngũ Thẩm phán, cán bộ Tòa án có ý nghĩa rất quan trọng. Việc bồi dưỡng cần đi vào các nội dung

thiết thực đối với từng chức danh công chức; phương pháp bồi dưỡng cần thường xuyên thay đổi, thường xuyên cập nhật để có thể thực hiện được mục tiêu định hướng hành động trong tình hình mới và phải mang tính thống nhất. Vì vậy, lãnh đạo các Toà án nhân dân cần có chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện tốt nhiệm vụ này. Xây dựng đội ngũ cán bộ, Thẩm phán vững vàng về bản lĩnh chính trị, giỏi về chuyên môn là một yêu cầu quan trọng trong tiến trình cải cách tư pháp mà Nhà nước ta đang thực hiện. Trải qua quá trình phấn đấu, rèn luyện; tích cực tham gia các cuộc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; thực hiện việc “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” trong hệ thống Tòa án nhân dân với chủ đề “Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lối sống của đội ngũ Thẩm phán, cán bộ, công chức Tòa án nhân dân”, đội ngũ cán bộ, Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp đã không ngừng trưởng thành, vững vàng về bản lĩnh chính trị, giỏi về nghiệp vụ, sẵn sàng đảm nhận và hoàn thành tốt những nhiệm vụ khó khăn, phức tạp của thời kỳ hội nhập; góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đổi mới của đất nước.

Thứ năm, nâng cao trình độ pháp luật của Hội thẩm nhân dân. Hội thẩm mặc dù có trình độ chuyên môn riêng nhưng còn hạn chế về trình độ pháp lý. Việc quy định các Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán khi xét xử đồng nghĩa với việc Hội thẩm có quyền quyết định mọi vấn đề trong quá trình xét xử, nghĩa là họ có quyền phán quyết kể cả những vấn đề hóc búa như định tội danh trong vụ án hình sự. Tuy nhiên, chỉ với tiêu chuẩn của Hội thẩm như hiện nay thì khi gặp những bị cáo là những người có trình độ pháp luật, bị cáo có người giám hộ, người đại diện là các chuyên gia pháp lý, là luật sư chuyên nghiệp trợ giúp thì chắc chắn với các tiêu chuẩn về Hội thẩm như trên sẽ không đủ năng lực và trình độ pháp lý để tranh tụng với họ và không thể phán xử được. Vì vậy cần sửa đổi, bổ sung quy định về tiêu chuẩn Hội thẩm theo hướng quy định người được bầu làm Hội thẩm cần phải có trình độ pháp luật nhất định, tối thiểu phải có bằng trung cấp pháp lý hoặc ít nhất phải qua một lớp bồi dưỡng về pháp luật từ sáu tháng đến một năm. Trong khi chưa sửa đổi được

các quy định của pháp luật thì các cơ quan có liên quan cần phối hợp tốt hơn với Tòa án trong công tác tập huấn, bồi dưỡng cho Hội thẩm, đặc biệt là tập huấn các văn bản pháp luật hoặc văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật mới; tổ chức rút kinh nghiệm trong xét xử một số loại vụ án đặc thù. Hằng năm, Tòa án cần quan tâm đầu tư kinh phí để bồi dưỡng nâng cao trình độ pháp lý cho đội ngũ Hội thẩm. Chỉ khi Hội thẩm có sự am hiểu pháp luật thì trong quá trình giải quyết vụ án, Hội thẩm sẽ không lúng túng, khi phán quyết bản án sẽ khách quan, khoa học. Có như vậy, mới giải quyết tốt vấn đề pháp luật đặt ra là Thẩm phán và Hội thẩm ngang quyền nhau trong quá trình giải quyết vụ án.

Tiểu kết chương

Thực tiễn áp dụng HPBS của Tòa án nhân dân hai cấp tỉnh Tuyên Quang đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế nhất định và do nhiều nguyên nhân. Trong đó, trước hết là từ quy định của PLHS về HPBS nhiều nội dung không rõ ràng, dẫn tới nhiều cách hiểu, quan điểm và sự vận dụng khác nhau. Tiếp theo là do sự giải thích, hướng dẫn chưa kịp thời từ cơ quan có thẩm quyền về việc áp dụng hình phạt, công tác kiểm tra, thanh tra và giám đốc việc xét xử còn hạn chế về nhiều mặt. Bên cạnh đó, năng lực chuyên môn và bản lĩnh chính trị của cán bộ, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án có chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, việc khắc phục những tồn tại, hạn chế để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng HPBS là việc làm cần thiết. Đây là nhu cầu tất yếu về mặt khách quan, nó không chỉ có ý nghĩa giải quyết những vấn đề lý luận về HPBS mà còn giải quyết yêu cầu xã hội. Việc hoàn thiện các quy định của HPBS là cơ sở đảm bảo cho việc áp dụng HPBS được đúng đắn và nâng cao hiệu quả thi hành những hình phạt này.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài “*Áp dụng hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Tuyên Quang*”, tác giả rút ra một vài kết luận chủ yếu sau:

Hiện nay, khái niệm pháp lý về HPBS chưa được BLHS năm 2015 quy định cụ thể, mặc dù về HPBS cũng được nhiều nhà nghiên cứu khoa học đưa ra nhiều định nghĩa khác nhau. Dựa trên sự tổng hợp các quan niệm về HPBS trong khoa học LHS và quy định của BLHS năm 2015, tác giả cho khái niệm pháp lý về HPBS cần được hiểu như sau: HPBS là biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc do Tòa án có thể áp dụng bổ sung thêm cho HPC và không được tuyên độc lập mà chỉ tuyên kèm theo một HPC.

Luận văn cũng đã phân tích những đặc điểm riêng của HPBS trong mối liên hệ với HPC và nghiên cứu lịch sử của chế định HPBS trong PLHS Việt Nam từ năm 1945 đến trước khi ban hành BLHS năm 2015 gắn liền với từng giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam, nó là một quá trình tiếp thu có sự chọn lọc, kế thừa và phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực thì BLHS năm 2015 vẫn còn những tồn tại, hạn chế như: chưa đưa ra được một khái niệm pháp lý đầy đủ về HPBS, đồng thời cũng chưa quy định một cách đầy đủ, rõ ràng về nội dung, phạm vi và điều kiện áp dụng đối với từng HPBS; vẫn còn những mâu thuẫn, không đồng bộ, thiếu khả thi đối với từng HPBS.

Từ cơ sở lý luận và cơ sở pháp lý về HPBS, tác giả đã đánh giá tình hình áp dụng HPBS của Tòa án hai cấp tỉnh Tuyên Quang trong thời gian từ năm 2014 đến tháng 6 năm 2018. Đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những tồn tại hạn chế và tìm ra những nguyên nhân để từ đó đưa ra những định hướng hoàn thiện quy định PLHS về HPBS.

Luận văn cũng đã xác định rõ những quan điểm cơ bản về hoàn thiện luật thực định và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của các quy định về HPBS trên các bình diện lý luận, luật thực định và áp dụng pháp luật. Đồng thời đề ra các giải pháp để hoàn thiện pháp luật thực định và nâng cao hiệu quả của HPBS trong thực tiễn áp dụng.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Lai Bằng (1997), *Hình phạt tiền trong LHS Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, tr. 1.
2. Bộ chính trị (2014), *Kết luận số 92-KL/TW ngày 12/3/2014*, Hà Nội, tr. 3.
3. Lê Cẩm (2000), *Hình phạt và biện pháp tư pháp trong LHS Việt Nam*, Dân chủ và pháp luật, (số 8), tr. 11-12.
4. Lê Cẩm (2001), *Một số vấn đề cơ bản về hình phạt trong pháp LHS một số nước trên thế giới*, Dân chủ và pháp luật, (số 9), tr. 49.
5. Lê Cẩm (2005), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học LHS (Phần chung)*, Sách chuyên khảo sau đại học, Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội, tr. 687.
6. Chính Phủ (2001), *Nghị định số 53/2001/NĐ-CP, Hướng dẫn thi hành hình phạt cấm cư trú và quản chế của BLHS năm 1999*, Hà Nội, tr. 2-3.
7. Chính phủ (2001), *Nghị định 54/2001/NĐ-CP, hướng dẫn thi hành hình phạt trục xuất*, Hà Nội, tr. 11-2.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2002), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 2/01 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*, Ban Chấp hành trung ương Đảng, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Nghị quyết số 48-NQ/TW ngày 25/4/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020*, Hà Nội.
11. Lê Văn Đệ (2004), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong LHS Việt Nam*, Sách chuyên khảo, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.
12. Trần Văn Độ (1990), *Một số ý kiến về quyết định hình phạt bổ sung*, Tòa án Nhân dân (số 7).
13. Nguyễn Ngọc Hòa (2007), *LHS Việt Nam - Sự phát triển trong hai mươi năm đổi mới và các định hướng hoàn thiện*, Tạp chí Luật học (số 1).

14. Phạm Văn Lợi (Chủ biên) (2007), *Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*, Nxb Tư pháp, Hà Nội.
15. Hồ Trọng Ngũ (2002), *Một số vấn đề cơ bản về chính sách hình sự dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội. tr.26.
16. Đinh Văn Quế (2004), *Bình luận khoa học Bộ LHS năm 1999 (phần chung)*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
17. Quốc hội (1985), *Bộ LHS*, Hà Nội.
18. Quốc hội (1999), *Bộ LHS*, Hà Nội
19. Quốc hội (2009), *Bộ LHS (sửa đổi, bổ sung)*, Hà Nội
20. Quốc hội (2015), *Bộ LHS*, Hà Nội.
21. Quốc hội (1988), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
22. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội.
23. Quốc Hội (2015), *Bộ luật tố tụng hình sự*, Hà Nội
24. Quốc Hội (2004), *Luật Tổ chức Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
25. Quốc Hội (2013), *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Hà Nội.
26. Nguyễn Sơn (2003), *Các hình phạt chính trong LHS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ Luật học, Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật.
27. Tạp chí Tòa án (2009), *Một số vấn đề lý luận về hình phạt tiền*, Tạp chí Tòa án, (số 16).
28. Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học 25 (2009).
29. Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, *Các báo cáo tổng kết, sơ kết công tác từ năm 2014 đến 2017, 6 tháng đầu năm 2018*.
30. Tòa án nhân dân tối cao (2000), *Nghị quyết số 01/2000/NQ- HĐTP, Hướng dẫn áp dụng một số quy định trong phần chung của BLHS năm 1999*.
31. Tòa án nhân dân tối cao (2014), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2014*, Hà Nội.
32. Tòa án nhân dân tối cao (2015), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2014 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2015*, Hà Nội.
33. Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2015 và*

- phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2016*, Hà Nội.
34. Tòa án nhân dân tối cao (2017), *Báo cáo tổng kết công tác năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2017*, Hà Nội.
 35. Tòa án nhân dân tối cao (1975), *Tập hệ thống hóa luật lệ về hình sự*, Tập I (1945-1974), Hà Nội.
 36. Trịnh Quốc Toàn (2007), *Hình phạt tước một số quyền công dân trong LHS Việt Nam*, Nhà nước và pháp luật, Hà Nội.
 37. Trịnh Quốc Toàn (2010), *Các hình phạt bổ sung trong LHS Việt Nam*, Luận án tiến sĩ luật học, Hà Nội. tr 101, 108-109.
 38. Trịnh Quốc Toàn (2011), *Hình phạt bổ sung trong LHS Việt Nam*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 39. Trường Đại học Luật Hà Nội (1997), *LHS Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân.
 40. Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý (1995), *Hình phạt trong LHS Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
 41. Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong LHS Việt Nam*, Nxb Công an Nhân dân, Hà Nội.
 42. Võ Khánh Vinh (2006), *Giáo trình LHS Việt nam (Phần chung)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
 43. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình LHS Việt nam (Phần chung)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội.
 44. Huỳnh Thị Hồng Vân (2017), *Hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Long An*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
 45. Nguyễn Xuân Hùng (2014), *Hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Ninh Thuận*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
 46. Nguyễn Trúc Phương (2016), *Hình phạt bổ sung theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn tỉnh Sóc Trăng*, Luận văn thạc sĩ, Hà Nội.
 47. <https://hocluat.vn/cam-huy-dong-von-doi-voi-phap-nhan-thuong-mai-thuc-hien-hanh-vi-pham-toi/>

PHỤ LỤC

Bảng 2.1 Tình hình giải quyết và số bị cáo bị áp dụng HPBS

STT	Năm	Số vụ án đã xét xử sơ thẩm	Số bị cáo đã bị xét xử sơ thẩm	Số bị cáo bị áp dụng HPBS	Tỷ lệ bị cáo bị áp dụng HPBS trên tổng số bị cáo bị xét xử
1	2014	493	973	188	19,3%
2	2015	492	1034	158	15,3%
3	2016	459	793	84	10,6%
4	2017	556	1141	204	17,9%
5	6 tháng đầu năm 2018	191	369	59	16%
Tổng số		2.191	4.940	694	14%

Bảng 2.2. Nhóm các tội được áp dụng HPBS.

STT	Các nhóm tội trong BLHS	Số vụ án đã xét xử	Số bị cáo đã xét xử	Số bị cáo bị áp dụng HPBS	Tỷ lệ bị cáo bị áp dụng HPBS trên số bị cáo bị xét xử
1	Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng (chương XXI)	395	1742	676	39%
2	Các tội phạm về ma túy (chương XX)	568	628	8	1,3%
3	Các tội phạm về chức vụ (chương XXIII)	3	11	2	18,2%
4	Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý hành chính (chương XXII)	7	15	2	13,3%
5	Các tội phạm xâm phạm trật tự quản lý kinh tế (Chương XVIII)	43	104	6	5,8%
Tổng cộng	05 nhóm tội	1.016	2.500	694	27,8%

Bảng 2.3. Loại HPBS được áp dụng.

STT	Loại Hình phạt bổ sung	Số bị cáo áp dụng HPBS
1	Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định	17
2	Cấm cư trú	0
3	Quản chế	0
4	Tước một số quyền công dân	0
5	Tịch thu tài sản	0
6	Phạt tiền, khi không áp dụng là HPC;	677
7	Trục xuất, khi không áp dụng là HPC	0
Tổng cộng	07 HPBS	694